

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Trần Thị Ngọc Ánh
Giảng viên hướng dẫn: Th.S Hòa Thị Thanh Hương

HẢI PHÒNG - 2019

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KIHIN**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Trần Thị Ngọc Ánh
Giảng viên hướng dẫn: Th.S Hòa Thị Thanh Hương**

HẢI PHÒNG - 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Trần Thị Ngọc Ánh Mã SV: 1412401049
Lớp: QT1806K Ngành: Kế toán - Kiểm toán
Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và
Dịch vụ Kihin.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - ✓ Tìm hiểu lý luận về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa;
 - ✓ Tìm hiểu thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị thực tập;
 - ✓ Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - ✓ Suru tầm, lựa chọn số liệu tài liệu phục vụ công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh năm 2017 tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kihin.

.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

- ✓ **Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kihin.**

.....

.....

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Hòa Thị Thanh Hương

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kihin.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 15 Tháng 10 năm 2018

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 05 tháng 01 năm 2019

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

ThS. Hòa Thị Thanh Hương

Hải Phòng, ngày tháng năm 2019

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: **Th.S Hòa Thị Thanh Hương**
Đơn vị công tác: Khoa Quản trị kinh doanh
Họ và tên sinh viên: **Trần Thị Ngọc Ánh - QT1806K; Chuyên ngành: KT - KT**
Đề tài tốt nghiệp: *Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu (DT), chi phí (CF) và xác định kết quả kinh doanh (XĐKQKD) tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kihin*

Nội dung hướng dẫn:

Tìm hiểu lý luận về công tác kế toán DT, CF và XĐKQKD trong doanh nghiệp nhỏ và vừa và thực tế công tác kế toán DT, CF và XĐKQKD tại đơn vị thực tập; Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán DT, CF và XĐKQKD nói riêng, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- ✓ Có cố gắng sưu tầm lựa chọn số liệu tài liệu phục vụ đề tài;
- ✓ Đã hoàn thành đúng tiến độ qui định;

2. Đánh giá chất lượng của đồ án/ khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

- ✓ Đã khái quát hóa được lý luận về công tác kế toán DT, CF và XĐKQKD trong doanh nghiệp nhỏ và vừa theo TT 133/2016/TT-BTC;
- ✓ Phản ánh được qui trình kế toán DT, CF và XĐKQKD tại đơn vị thực tập với số liệu logic;
- ✓ Đã đánh giá được ưu nhược điểm cơ bản trong công tác kế toán tại đơn vị thực tập trên cơ sở đó tác giả đã đề xuất được một số biện pháp phù hợp giúp đơn vị hoàn thiện công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán DT, CF và XĐKQKD nói riêng.

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ ☐ Không được bảo vệ ☐ Điểm hướng dẫn ☐

Hải Phòng, ngày 05 tháng 01 năm 2019.

Giảng viên hướng dẫn

Th.S Hòa Thị Thanh Hương

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA THEO THÔNG TƯ 133/2016/TT-BTC	2
1.1 Các vấn đề cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp theo thông tư 133/2016/TT-BTC	2
1.1.1 Khái niệm doanh thu	2
1.1.1.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2
1.1.1.2 Điều kiện ghi nhận doanh thu	2
1.1.1.3 Nguyên tắc kế toán doanh thu	4
1.1.2. Khái niệm chi phí	4
1.1.3 Khái niệm xác định kết quả kinh doanh:	6
1.2. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	7
1.3. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo thông tư 133/2016/TT-BTC.....	7
1.3.1. Tổ chức kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	7
1.3.1.1 Các phương thức tiêu thụ chủ yếu trong các doanh nghiệp	7
1.3.1.2 Chứng từ sử dụng:	8
1.3.1.3 Tài khoản sử dụng:	8
1.3.1.4. Phương pháp hạch toán	9
1.3.2. Tổ chức kế toán giá vốn hàng bán:	10
1.3.2.1 Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất bán	10
1.3.2.2 Chứng từ sử dụng:	11
1.3.2.3 Tài khoản sử dụng:	11
1.3.2.4 Phương pháp hạch toán	13
1.3.3. Tổ chức kế toán chi phí quản lý kinh doanh:	14
1.3.3.1 Chứng từ sử dụng:	14
1.3.3.2 Tài khoản sử dụng:	15
1.3.4. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động tài chính	17
1.3.4.1 Chứng từ sử dụng:	17
1.3.4.2 Tài khoản sử dụng:	17
1.3.4.3 Phương pháp hạch toán doanh thu , chi phí tài chính	19
1.3.5. Tổ chức kế toán thu nhập, chi phí khác	20
1.3.5.1 Chứng từ sử dụng:	20
1.3.5.2 Tài khoản sử dụng	20
1.5.5.3 Phương pháp hạch toán thu nhập, chi phí khác	22

1.3.6	Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp	23
1.3.6.1	Chứng từ sử dụng:	23
1.3.6.2	Tài khoản sử dụng	23
1.4.	Các hình thức ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo TT133/2016/TT-BTC	26
1.4.1	Hình thức kế toán Nhật ký chung.....	27
1.4.2.	Hình thức kế toán Nhật ký, sổ cái.....	28
1.4.3.	Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	29
1.4.4.	Hình thức kế toán máy.....	31
	CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KIHIN.....	32
2.1.	Khái quát về công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kihin	32
2.1.1.	Lịch sử hình thành và phát triển của công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kihin.....	32
2.1.2.	Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kihin.....	32
		33
2.1.3.	Đặc điểm công tác kế toán tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kihin.....	34
2.1.3.1	Đặc điểm bộ máy kế toán tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kihin.....	34
2.1.3.2.	Hình thức kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kihin.....	35
3.1.3.3.	Các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kihin.....	37
2.2	Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kihin.....	37
2.2.1.	Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kihin.....	37
2.2.1.1.	Thực trạng công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ .	37
2.2.1.2.	Thực trạng công tác kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kihin.....	43
2.2.1.3	Thực trạng công tác kế toán chi phí quản lý kinh doanh trong công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kihin.....	49
2.2.2.	Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính trong Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kihin	54

2.2.2.1. Thực trạng công tác kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kihin.....	54
2.2.2.2. Thực trạng công tác kế toán chi phí hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Kihin.....	54
2.2.3. Thực trạng công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh trong Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kihin.....	58
2.2.3.1 Chứng từ sử dụng :	58
2.2.3.2. Tài khoản kế toán sử dụng.....	58
2.2.3.3 Sổ kế toán sử dụng :	58
2.2.3.4. Quy trình hạch toán công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty.....	58
CHƯƠNG 3 : MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KIHIN.....	69
3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Kihin	69
3.1.1.Kết quả đạt được.....	69
3.1.1.1.Về bộ máy tổ chức kế toán tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kihin:	69
3.1.1.2.Về hình thức kế toán ghi sổ:	70
3.1.1.3Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh: 70	
3.1.2.Hạn chế.....	70
3.2. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kihin 70	
3.2.1. Giải pháp thứ nhất : Công ty nên hạch toán chi tiết doanh thu-chi phí theo từng mặt hàng.....	70
3.2.2 Giải pháp thứ 2: Hoàn thiện việc lập dự phòng phải thu khó đòi tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kihin.....	77
3.1.3 Giải pháp thứ 3 : Công ty nên áp dụng phần mềm kế toán.	80
KẾT LUẬN	84
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	85

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ trình tự hạch toán Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ..	10
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ trình tự hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	13
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ trình tự hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	14
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí quản lý kinh doanh	16
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính	19
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí tài chính.....	20
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ trình tự hạch toán thu nhập hoạt động khác	22
Sơ đồ 1.8: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí khác	23
Sơ đồ 1.9: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp.....	26
Sơ đồ 1.10 : Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chung	27
Sơ đồ 1.11: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký Sổ cái	28
Sơ đồ 1.12: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	30
Sơ đồ 1.13: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán máy	31
Sơ đồ 2.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy tại công ty	33
Sơ đồ 2.2:Sơ đồ bộ máy kế toán.	34
Sơ đồ 2.3: Hình thức ghi sổ kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ KIHIN	36
Sơ đồ 2.4 – Quy trình hạch toán doanh thu tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kihin	38
Sơ đồ 2.5 – Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kihin	44
Sơ đồ 2.6 – Quy trình hạch toán chi phí kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kihin	49
Sơ đồ 2.7 – Quy trình xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kihin	58

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu 2.1 : Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000214	39
Biểu 2.2: Phiếu thu số 14.....	40
Biểu 2.3 : Trích trang Nhật ký chung	41
Biểu 2. 4 : Sổ cái TK 511	42
Biểu 2.5 : Phiếu xuất kho	45
Biểu 2.6:Bảng tổng hợp nhập–xuất tồn kho hàng hóa	46
Biểu 2.7 : Trích trang Sổ nhật ký chung	47
Biểu 2.8 : Sổ cái TK 632	48
Biểu 2.9: HĐ GTGT số 0000289	50
Biểu 2.10: Phiếu chi	51
Biểu 2.11 : Trích trang Sổ nhật ký chung	52
Biểu 2.12 : Sổ cái Tk 642	53
Biểu 2.13 : Phiếu báo có Ngân hàng Vietcombank ngày 23/12.....	55
Biểu 2.14 : Trích trang Sổ Nhật ký chung	56
Biểu 2.15 : Sổ cái TK 515	57
Biểu 2.16 : Phiếu kế toán.....	59
Biểu 2.17 : Phiếu kế toán.....	60
Biểu 2.18 : Phiếu kế toán.....	61
Biểu 2.19 : Phiếu kế toán.....	62
Biểu 2.20 : Phiếu kế toán.....	63
Biểu 2.21 : Trích trang Sổ Nhật ký chung	64
Biểu 2.22 : Sổ cái TK 911	65
Biểu 2.23 : Sổ cái TK 821	66
Biểu 2.24 : Sổ cái TK 421	67
Biểu 3.25 : Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	68
Biểu số 3.1 – Sổ chi tiết bán hàng	72
Biểu số 3.2– Sổ chi phí sản xuất kinh doanh	73
Biểu 3.3 - Sổ chi tiết bán hàng Vợt câu lông Paledas	74
Biểu số 3.4 - Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh.....	75
Biểu số 3.5 – Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh	76
Biểu số 3.6 – Bảng kê công nợ tính đến ngày 31/12/2017.....	78
Biểu số 3.7 – Bảng kê trích lập dự phòng phải thu khó đòi.....	79

LỜI MỞ ĐẦU

Chìa khóa dẫn đến những con đường thành công, khả năng tồn tại lâu dài của một doanh nghiệp chính là việc doanh nghiệp đó có được sự phối hợp hoạt động một cách nhịp nhàng, hiệu quả giữa các bộ phận cấu thành. Thiếu đi bất kỳ một bộ phận nào hay khi nó hoạt động chưa hiệu quả đều dẫn tới những hệ lụy xấu cho kết quả hoạt động của Doanh nghiệp. Kế toán chính là một phần trong số đó. Bộ máy kế toán luôn được coi là cánh tay phải đắc lực, là cơ sở quan trọng để lãnh đạo của Doanh nghiệp đưa ra các quyết định quản lý.

Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh là nơi đưa ra các số liệu của công ty liên quan đến các chỉ tiêu như Giá vốn hàng bán, Doanh thu tiêu thụ, Lợi nhuận trước thuế, Lợi nhuận sau thuế... Đây là các chỉ tiêu quan trọng trong báo cáo tài chính, là cơ sở để đưa ra các quyết định đối với cả ban quản lý Công ty cũng như các cổ đông. Chính vì thế, hoạt động kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh luôn đòi hỏi tính trung thực, chính xác, đầy đủ.

Với nhận thức đó em quyết định chọn đề tài: **Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kihin**. Kết cấu của đề tài của em gồm 3 phần chính:

Chương 1: Lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa theo thông tư 133/2016/TT-BTC

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kihin

Chương 3: Một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại và dịch vụ Kihin

Do trình độ lý luận và thời gian tiếp cận còn hạn chế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo và các bạn để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Trần Thị Ngọc Ánh

CHƯƠNG 1:**LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA THEO THÔNG TƯ 133/2016/TT-BTC****1.1 Các vấn đề cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp theo thông tư 133/2016/TT-BTC****1.1.1 Khái niệm doanh thu****1.1.1.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

**Doanh thu:* là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Các khoản thu hộ bên thứ ba không phải là nguồn lợi kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp nên sẽ không được coi là doanh thu. Các khoản vốn góp của cổ đông hoặc chủ sở hữu làm tăng vốn chủ sở hữu không là Doanh thu. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được.

– *Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ:* là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được và sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng đã trừ các khoản giảm trừ (chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán...) trong kỳ báo cáo, làm căn cứ tính kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

**Thời điểm ghi nhận doanh thu:* doanh thu được ghi nhận chỉ khi doanh nghiệp được đảm bảo nhận lợi ích kinh tế từ giao dịch.

**Các hoạt động kinh doanh và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp*

- Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác

+ Hoạt động sản xuất kinh doanh: là hoạt động sản xuất, tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm

+ Hoạt động tài chính: là các hoạt động đầu tư tài chính ngắn hạn hoặc dài hạn với mục đích sinh lời.

+ Hoạt động khác: là hoạt động xảy ra ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

- Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp: là kết quả hoạt động tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, lao vụ, dịch vụ và hoạt động tài chính được biểu hiện qua chỉ tiêu lợi nhuận thuần về hoạt động kinh doanh.

1.1.1.2 Điều kiện ghi nhận doanh thu

**Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng:*

- Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – “Doanh thu và thu nhập khác”

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

+ Doanh nghiệp đã trao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua

+ Doanh nghiệp không còn nắm quyền quản lý như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm kê, kiểm soát hàng hóa

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

+ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng

+ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

**Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:*

Đối với các giao dịch cung cấp dịch vụ chuẩn mực cũng quy định, doanh thu được ghi nhận khi kết quả đã được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp về giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh nghiệp được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành và ngày lập Bảng cân đối kế toán trong kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn 4 điều kiện sau:

+ Doanh thu tương đối chắc chắn

+ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó

+ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán

+ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia:*

- Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

+ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

-Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:

+ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ;

+ Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng;

+ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

1.1.1.3 Nguyên tắc kế toán doanh thu

– Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được bằng tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

– Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ mà doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán có thể thấp hơn doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ghi nhận ban đầu.

– Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.

– Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

– Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế TTĐB, hoặc thuế xuất khẩu).

– Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa gia công.

– Đối với hàng hóa bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

– Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận của năm tài chính được xác định trên cơ sở lấy tổng số tiền nhận được chia cho số kỳ nhận trước tiền.

– Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả ngay và ghi nhận doanh thu chưa thực hiện về phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

1.1.2. Khái niệm chi phí

Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản cố định hoặc

phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối do cổ đông hoặc chủ sở hữu.

Các loại chi phí:

– *Giá vốn hàng bán*: là giá trị thực tế xuất kho của sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hóa đơn đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại) hoặc giá thành thực tế dịch vụ hoàn thành và đã được xác định tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

– *Chi phí quản lý kinh doanh*: là những chi phí chi ra trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành,... Và các khoản chi phí phục vụ cho quản lý chung tại doanh nghiệp, gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, các khoản trích theo lương, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp,...

– *Chi phí hoạt động tài chính*: là toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính trong doanh nghiệp, gồm chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, chi phí giao dịch bán chứng khoán, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn,...

– *Chi phí khác*: là các khoản chi phí phát sinh cho các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Bao gồm:

– Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có)

– Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.

– Bị phạt thuế, truy nộp thuế.

– Các khoản chi phí khác.

– *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp*: là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm:

– Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

– Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai, phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả trong năm và việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận từ năm trước.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác.

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế × Thuế suất thuế TNDN

1.1.3 Khái niệm xác định kết quả kinh doanh:

Kết quả kinh doanh là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

– *Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:* là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý kinh doanh.

– *Kết quả hoạt động tài chính:* là số chênh lệch giữa doanh thu của hoạt động tài chính với chi phí từ hoạt động tài chính.

– *Kết quả hoạt động khác:* là số chênh lệch giữa các khoản doanh thu khác và các khoản chi phí khác.

– *Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế:* là tổng số lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận tài chính và lợi nhuận khác.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Tổng lợi} & & & & & & \\ \text{nhuận kế} & & & & & & \\ \text{toán trước} & & & & & & \\ \text{thuế} & = & \text{Lợi nhuận từ} & & \text{Lợi nhuận từ} & & \text{Lợi nhuận} \\ & & \text{hoạt động} & + & \text{hoạt động tài} & + & \text{khác} \\ & & \text{SXKD} & & \text{chính} & & \end{array}$$

– *Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp:* là loại thuế trực thu đánh vào lợi nhuận của các doanh nghiệp.

$$\begin{array}{ccccc} \text{Thuế TNDN} & & & & \\ \text{phải nộp} & = & \text{Tổng lợi nhuận kế} & \times & \text{Thuế suất thuế} \\ & & \text{toán trước thuế} & & \text{TNDN} \end{array}$$

– *Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp*: là tổng số lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

$$\begin{array}{rcccl} \text{Lợi nhuận sau} & & \text{Tổng lợi nhuận kế} & & \text{Thuế TNDN} \\ \text{thuế TNDN} & = & \text{toán trước thuế} & - & \text{phải nộp} \end{array}$$

1.2. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Ghi chép, phản ánh chính xác, kịp thời, đầy đủ các khoản chi phí phát sinh trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp.

- Ghi chép, phản ánh chính, đầy đủ kịp thời các khoản doanh thu và giảm trừ doanh thu, các chi phí phát sinh để cuối kỳ tập hợp doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh

– Theo dõi thường xuyên liên tục tình hình biến động tăng giảm các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác của doanh nghiệp

– Mở sổ theo dõi chi tiết chi phí theo từng yếu tố, từng khoản mục, và địa điểm phát sinh chi phí

– Xác định tiêu thức phân bổ và phân bổ chi phí kinh doanh cho hàng hóa đã tiêu thụ trong kỳ và hàng còn lại chưa tiêu thụ trong trường hợp doanh nghiệp có chu kỳ kinh doanh dài và lượng hàng tồn kho cuối kỳ lớn

– Cung cấp số liệu cho việc kiểm tra phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch chi phí của doanh nghiệp

Cung cấp thông tin kế toán chính xác, kịp thời phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh doanh liên quan đến doanh thu và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1.3. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo thông tư 133/2016/TT-BTC

1.3.1. Tổ chức kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.3.1.1 Các phương thức tiêu thụ chủ yếu trong các doanh nghiệp

– Phương thức bán hàng trực tiếp:

Là phương thức giao hàng cho người mua trực tiếp tại kho, tại các phân xưởng sản xuất (không qua kho) của doanh nghiệp. Sản phẩm khi bàn giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ và đơn vị mất quyền sở hữu về số hàng này.

– Phương thức gửi hàng đi bán:

Theo phương thức này bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm

ghi trong hợp đồng, số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Khi được người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao (một phần hay toàn bộ) thì số hàng chấp nhận này mới được coi là tiêu thụ

- Phương thức hàng đổi hàng:

Là phương thức sản xuất sản phẩm, hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ đổi lấy vật tư, hàng hóa, TSCĐ không tương tự để sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng để đổi lấy vật tư, hàng hóa, TSCĐ khác theo giá bán chưa có thuế GTGT.

- Phương pháp bán hàng đại lý, ký gửi:

Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý, ký gửi (gọi là bên đại lý) để bán. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

- Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp:

Theo phương thức này, khi giao hàng cho người mua, thì lượng hàng chuyển giao được coi là tiêu thụ, người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua một phần. Số tiền còn lại người mua sẽ trả dần và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Thông thường số tiền trả ở các kỳ bằng nhau, trong đó bao gồm một phần doanh thu gốc và một phần lãi suất trả chậm.

- Phương thức tiêu thụ nội bộ:

Là việc mua - bán sản phẩm, hàng hóa, lao vụ dịch vụ giữa đơn vị chính và đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng một công ty, tổng công ty, tập đoàn, liên hiệp xí nghiệp... Ngoài ra, được coi là tiêu thụ nội bộ còn bao gồm các khoản sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ xuất, biếu, tặng, trả lương, trả thưởng, xuất dùng cho hoạt động kinh doanh.

1.3.1.2 Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn bán hàng, hóa đơn GTGT
- Hợp đồng kinh tế
- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng, séc thanh toán, séc chuyển khoản...

1.3.1.3 Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán, bao gồm cả doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác.

– Nguyên tắc hạch toán: chỉ hạch toán vào tài khoản 511 số Doanh thu của khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, lao vụ, đã xác định là tiêu thụ. Giá bán được hạch toán là giá bán thực tế, là số tiền ghi trên hóa đơn.

– Kết cấu tài khoản 511

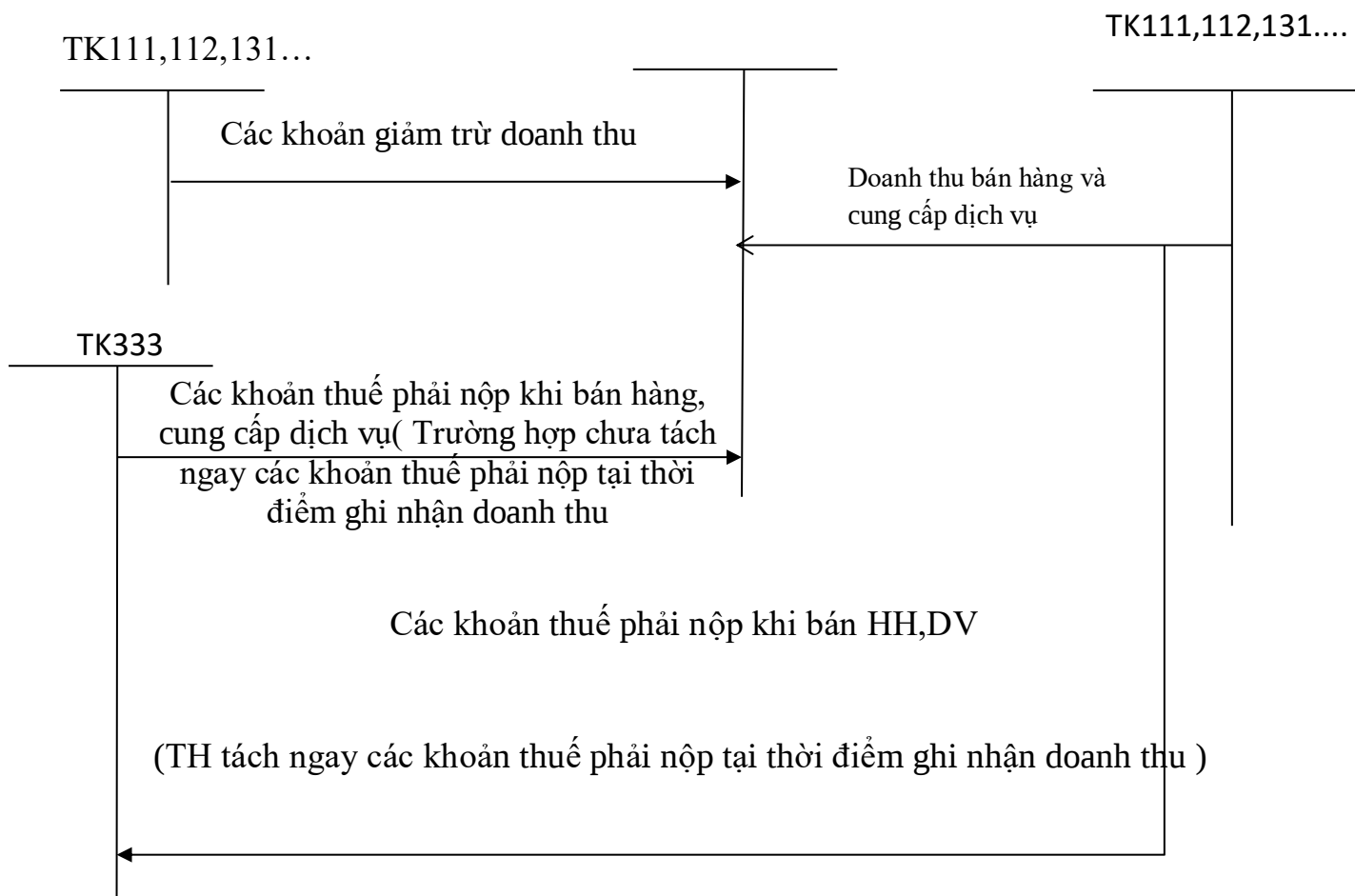
Nợ	TK 511	Có
• Các khoản thuế gián thu phải nộp(GTGT.TTDB,XK,BVMT) • Các khoản giảm trừ doanh thu • Kết chuyển doanh thu thuần vào TK911”xác định kết quả kinh doanh”		• Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong kỳ kế toán

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản cấp 2:

- + TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa
- + TK 5112: Doanh thu bán các thành phẩm
- + TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- + TK 5118: Doanh thu khác

1.3.1.4. Phương pháp hạch toán

TK511**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****Sơ đồ 1.1: Sơ đồ trình tự hạch toán Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1.3.2. Tổ chức kế toán giá vốn hàng bán:****1.3.2.1 Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất bán**

- Phương pháp bình quân gia quyền

Giá trị từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình doanh nghiệp.

+ Giá đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ:

$$\begin{aligned}
 & \text{Giá đơn vị bình quân cả kỳ của hàng I} = \frac{\text{Trị giá thực tế hàng I tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế hàng I nhập kho trong kỳ}}{\text{Lượng thực tế hàng I tồn đầu kỳ} + \text{Lượng thực tế hàng I nhập kho trong kỳ}} \\
 & + \text{Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập (bình quân gia quyền liên hoàn):} \\
 & \text{Giá đơn vị bình quân sau lần nhập j của hàng I} = \frac{\text{Giá thực tế tồn kho sau lần nhập j của hàng I}}{\text{Lượng thực tế tồn kho sau lần nhập j của hàng I}}
 \end{aligned}$$

- Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)

Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ. Giá trị hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho. Phương pháp này thường được áp dụng trong trường hợp giảm phát.

- Phương pháp thực tế đích danh:

Theo phương pháp này giá của từng mặt hàng sẽ được giữ nguyên từ khi nhập kho đến lúc xuất kho. Khi xuất kho mặt hàng nào thì tính theo giá đích danh của mặt hàng đó

1.3.2.2 Chứng từ sử dụng:

+ Phiếu xuất kho

1.3.2.3 Tài khoản sử dụng:

TK 632 – Giá vốn hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư...

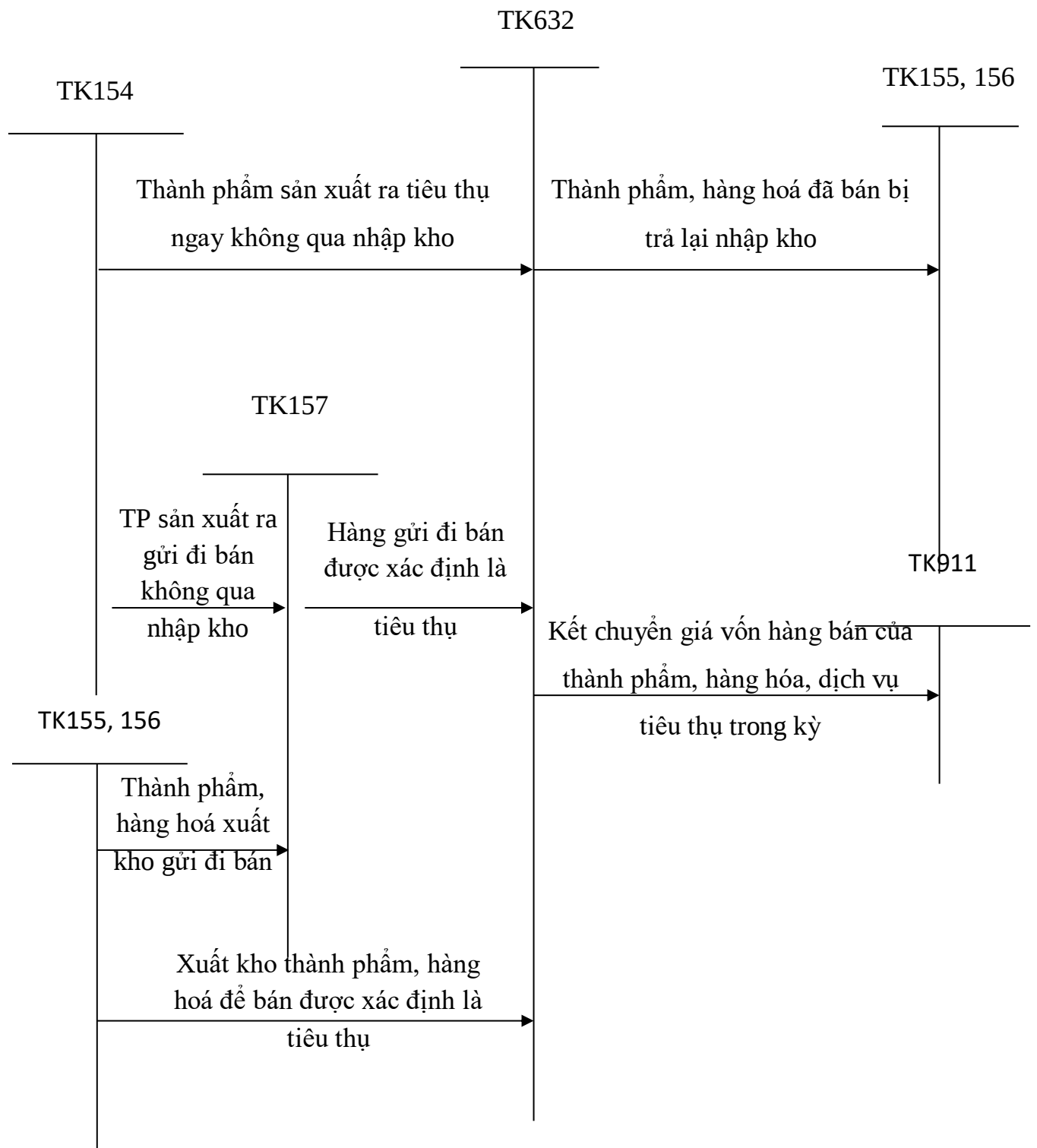
Ngoài ra tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư như: chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư, chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động...

Kết cấu tài khoản :

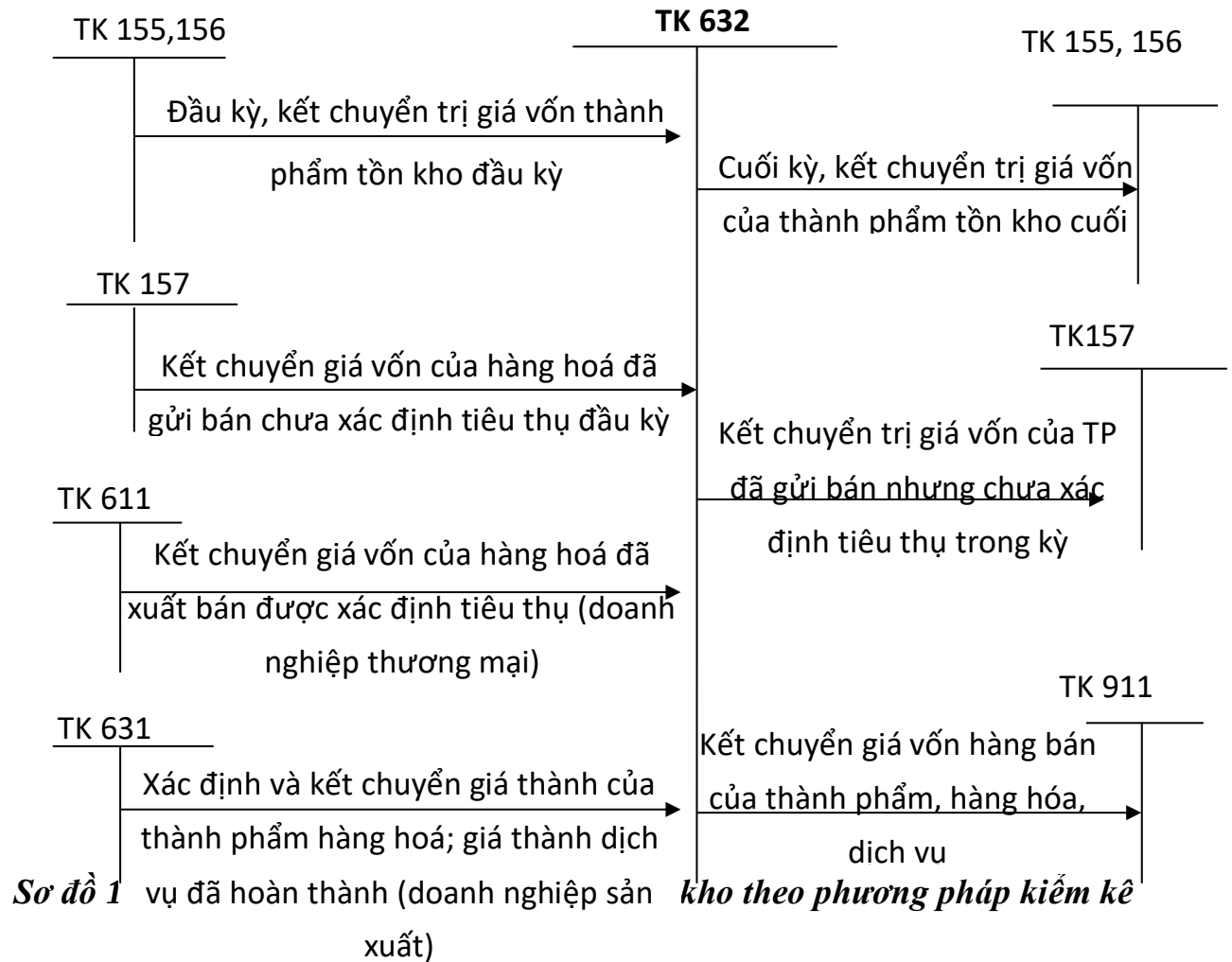
Nợ	TK 632	Có
• Trị giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ. • Chi phí NVL, chi phí nhân công vượt mức bình thường, • Chi phí sản xuất chung cố định không được phân bổ tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ • Các hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ đi phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra • Phản ánh khoản chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn năm trước		• Kết chuyển giá vốn hàng bán tiêu thụ trong kỳ vào tài khoản xác định kết quả kinh doanh • Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ

1.3.2.4 Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ trình tự hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên



1.3.3. Tổ chức kế toán chi phí quản lý kinh doanh:

1.3.3.1 Chứng từ sử dụng:

- + Hóa đơn thuế GTGT, hóa đơn bán hàng
- + Phiếu thu, phiếu chi
- + Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- + Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
- + Bảng phân bổ tiền lương và BHXH
- + Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng
- + Phiếu kế toán
- + Các chứng từ khác có liên quan

*1.3.3.2 Tài khoản sử dụng:*Tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

Các tài khoản cấp 2:

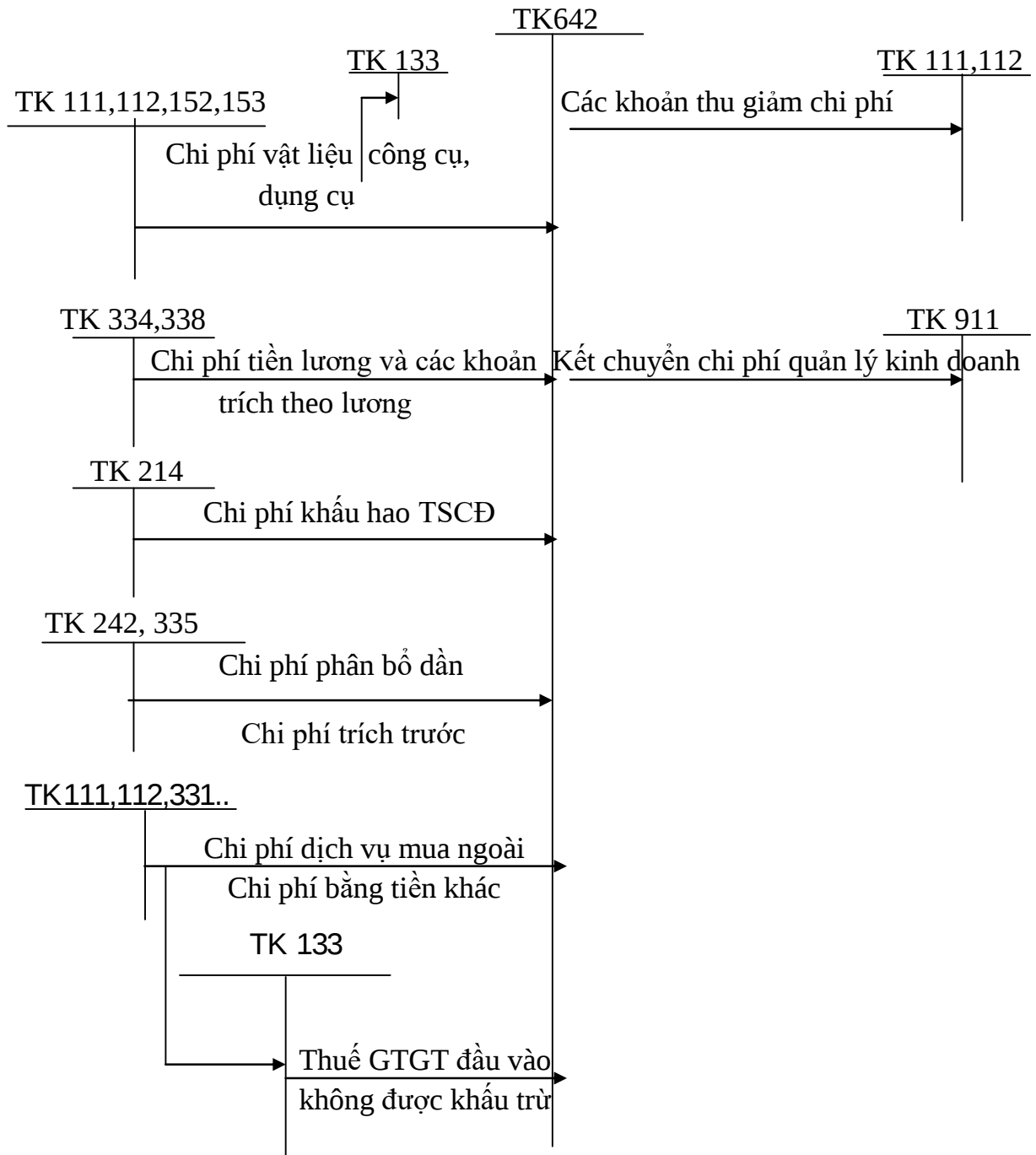
- TK 6421- *Chi phí bán hàng*
- TK 6422- *Chi phí quản lý doanh nghiệp*

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí phục vụ quản lý kinh doanh gồm CP lương bộ phận QLDN, chi phí đồ dùng văn phòng, thuế nhà đất, thuế môn bài, chi phí dự phòng, khấu hao TSCĐ phục vụ cho bộ phận QLDN, chi phí dịch vụ mua ngoài...

Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh	Có
• Các chi phí quản lý kinh doanh thực tế phát sinh trong kỳ • Trích lập và trích lập thêm khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả		• Các khoản ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh • Hoàn nhập số chênh lệch dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả • Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào TK911 – xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ

Phương pháp hạch toán chi phí quản lý kinh doanh*Sơ đồ 1.4: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí quản lý kinh doanh**

1.3.4. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động tài chính**1.3.4.1 Chứng từ sử dụng:**

- + Giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng
- + Phiếu thu, phiếu chi
- + Các chứng từ có liên quan

1.3.4.2 Tài khoản sử dụng:**Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu do hoạt động tài chính mang lại như: lãi tiền gửi ngân hàng, chênh lệch lãi tỷ giá ngoại tệ, lợi nhuận được chia từ đầu tư cổ phiếu, thu nhập về từ hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn...

Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 515 – Doanh thu HĐTC	Có
• Số thuế GTGT phải nộp theo pp trực tiếp (nếu có) • Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK911 – xác định kết quả kinh doanh		• Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ • Chiết khấu thanh toán được hưởng

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 635 – Chi phí tài chính

Tài khoản này phản ánh các chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay, khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ, chi phí lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.....

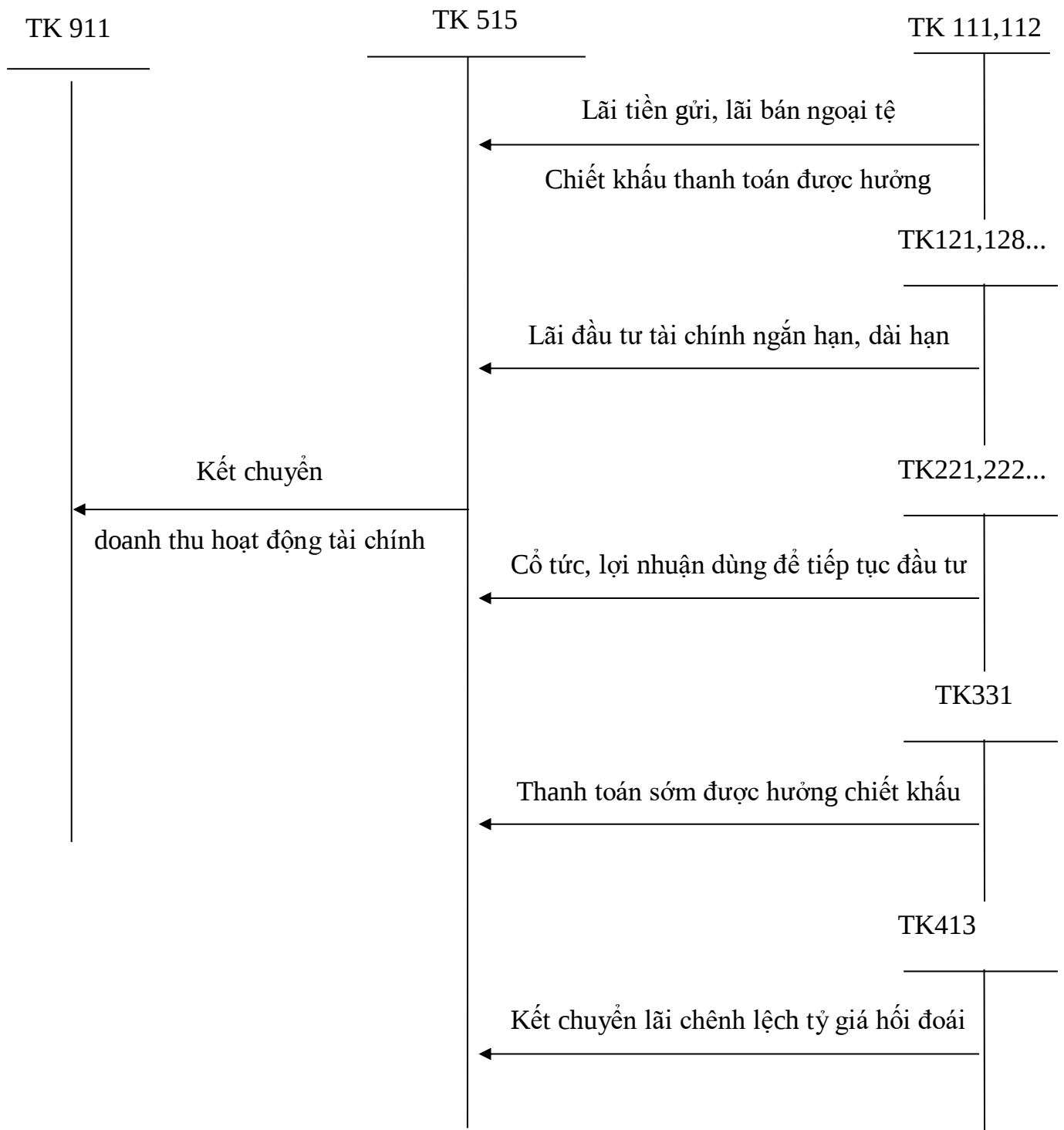
Kế cấu tài khoản:

Nợ	TK 635	Có
• Chi phí tiền lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi do thuê tài sản. • Chiết khấu thanh toán cho người mua. • Lỗ khi bán ngoại tệ. • Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư. • Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của HĐKD • Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của HĐKD • Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. • Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính • Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác		• Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. • Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

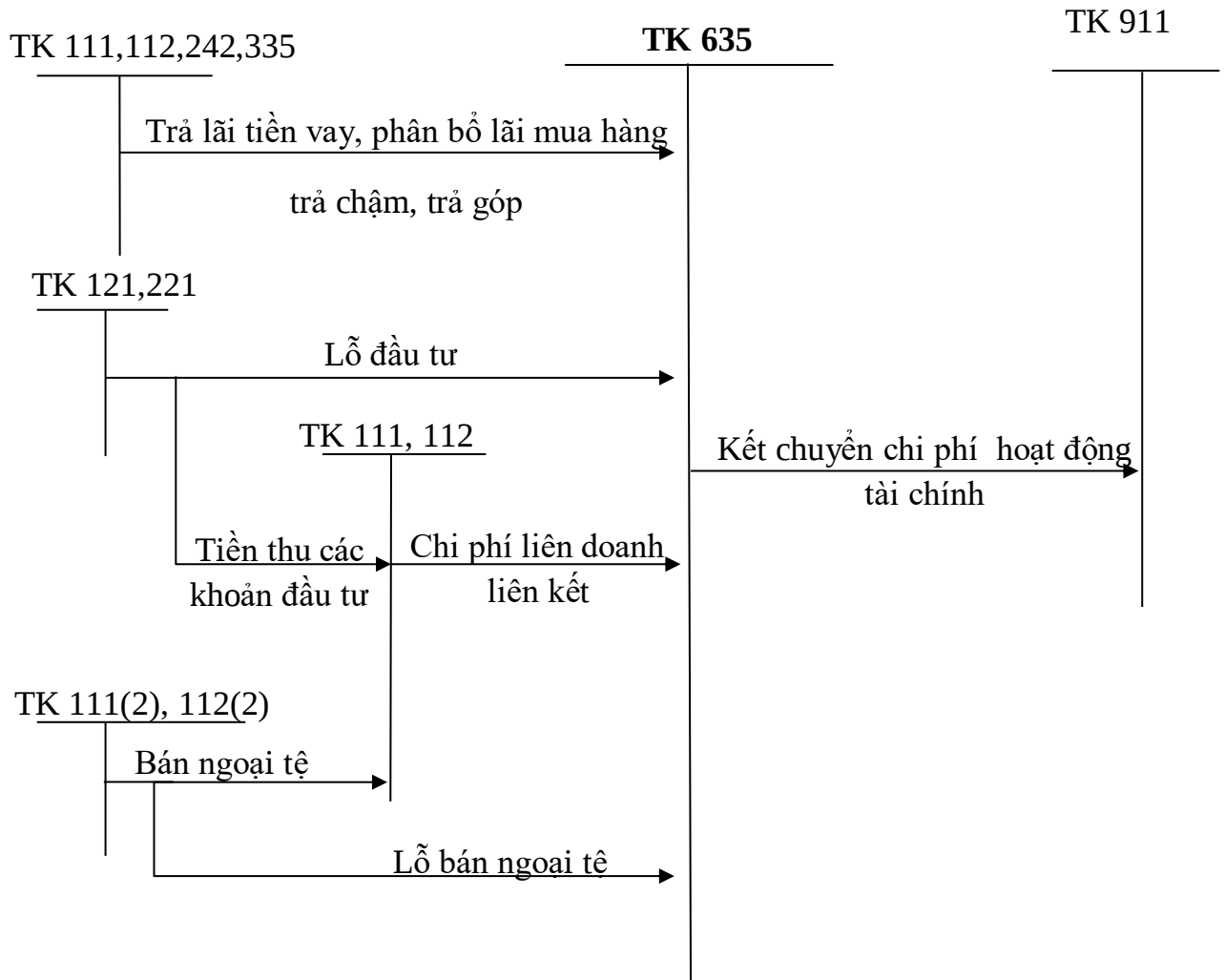
1.3.4.3 Phương pháp hạch toán doanh thu, chi phí tài chính

a) Phương pháp hạch toán doanh thu tài chính



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

b) Phương pháp hạch toán chi phí tài chính

**Sơ đồ 1.6: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí tài chính****1.3.5. Tổ chức kế toán thu nhập, chi phí khác****1.3.5.1 Chứng từ sử dụng:**

- + Phiếu thu, phiếu chi
- + Hóa đơn GTGT
- + Biên bản bàn giao, thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- + Biên lai nộp thuế, nộp phạt và các chứng từ khác có liên quan

1.3.5.2 Tài khoản sử dụng**Tài khoản 711 – Thu nhập khác**

Tài khoản này dùng để phản ánh những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc những khoản không mang tính chất thường xuyên như: thu từ nhượng bán TSCĐ, thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng, thu các khoản nợ khó đòi, các khoản thuế được NSNN hoàn lại...

Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 711 – Thu nhập khác	Có
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác - Kết chuyển các khoản thu nhập khác sang TK 911 – xác định kết quả kinh doanh		- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ - Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ - Thu tiền được do khách hàng vi phạm hợp đồng. Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ - Các khoản thuế đc NSNN hoàn lại; Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp - Các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót

TK 711 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 811 – Chi phí khác:

Là tài khoản dùng để phản ánh các khoản chi phí xảy ra không thường xuyên, riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp, những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước. Chi phí khác phát sinh gồm: Chí phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có); Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế; Bị phạt thuế, truy nộp thuế; Các khoản chi phí khác...

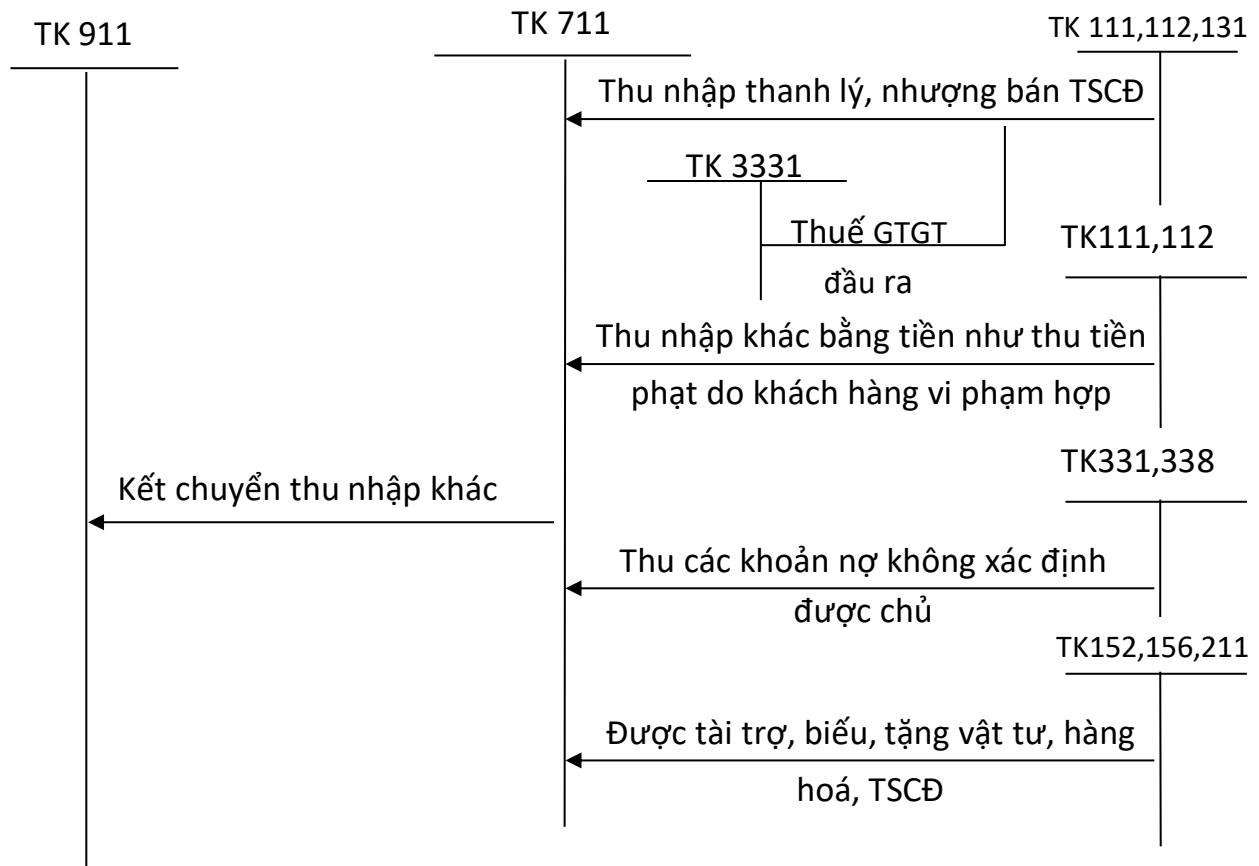
Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK811 – Chi phí khác	Có
Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ		Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác trong kỳ vào TK911 – xác định kết quả kinh doanh

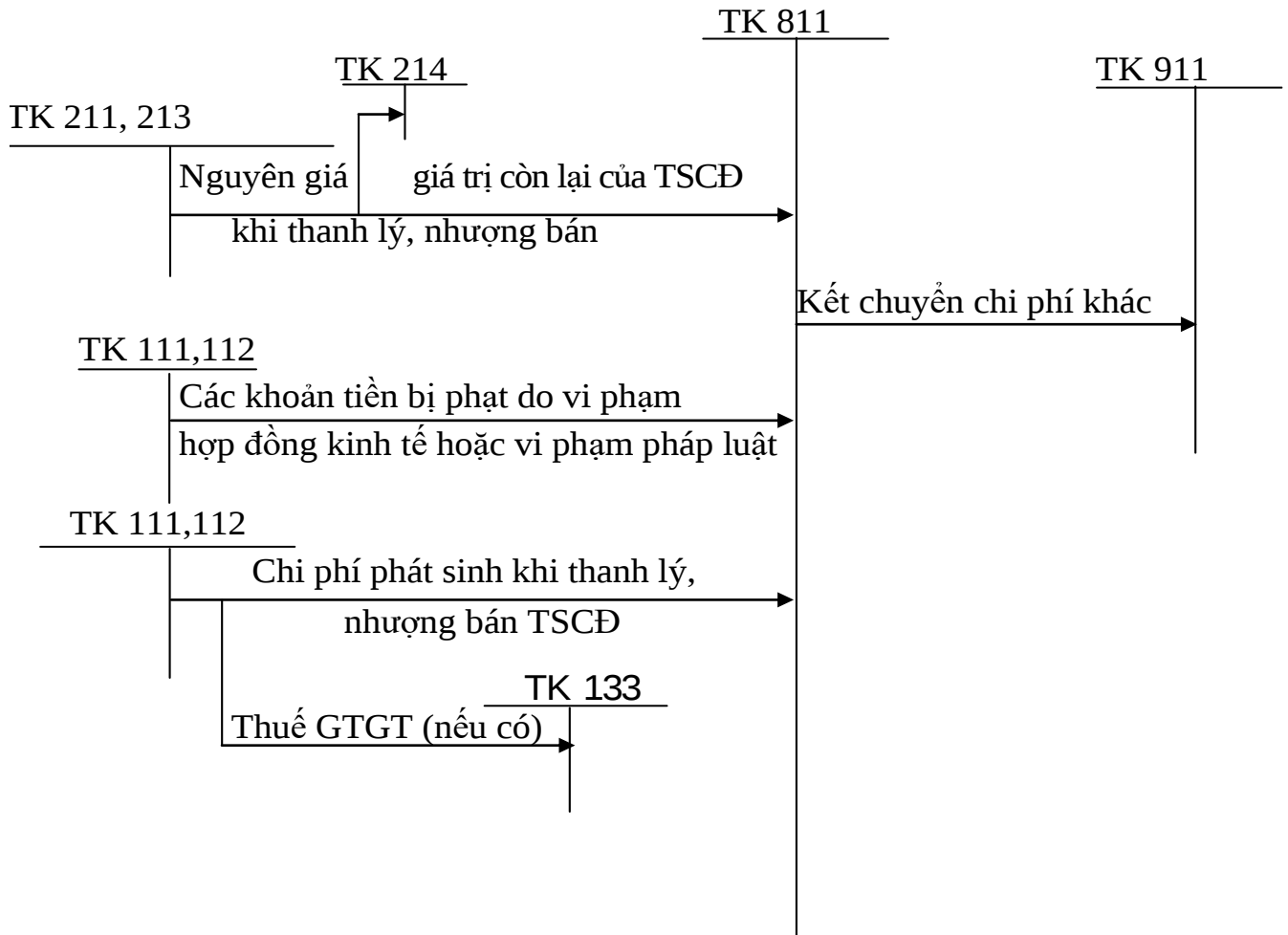
Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ

1.5.5.3 Phương pháp hạch toán thu nhập, chi phí khác

a) Phương pháp hạch toán thu nhập khác



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ trình tự hạch toán thu nhập hoạt động khác

b) Phương pháp hạch toán**Sơ đồ 1.8: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí khác****1.3.6 Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp****1.3.6.1 Chứng từ sử dụng:**

- + Phiếu kế toán
- + Quyết định xử lý lỗ các năm trước
- + Quyết định trích lập các quỹ trong doanh nghiệp
- + Các biên bản, hợp đồng về việc chia lợi nhuận
- + Các chứng từ khác có liên quan

1.3.6.2 Tài khoản sử dụng**Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh**

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán

Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 911 – xác định KQKD	Có
• Kết chuyển giá vốn hàng bán, chi phí hoạt động tài chính, chi phí quản lý kinh doanh, chi phí khác • Kết chuyển lãi	• Tổng Doanh thu thuần tiêu thụ trong kỳ. • Tổng doanh thu thuần hoạt động tài chính và hoạt động khác • Kết chuyển Lỗ	

Tài khoản 911 không có số dư đầu kỳ, cuối kỳ

Tài khoản 821 – Chi phí thuế TNDN hiện hành

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định KQKD của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành

Kết cấu tài khoản 821:

Nợ	TK 821 – CP thuế TNDN	Có
• Thuế TNDN phải nộp tính vào CP thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm • CP thuế TNDN của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót	• Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm; • Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm giá do phát hiện sai sót ko trọng yếu của các năm trước; • Kết chuyển CP thuế TNDN hiện hành vào bên nợ của TK911 – xác định kết quả kinh doanh	

TK 821 không có số dư đầu kỳ, cuối kỳ

Tài khoản 421: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

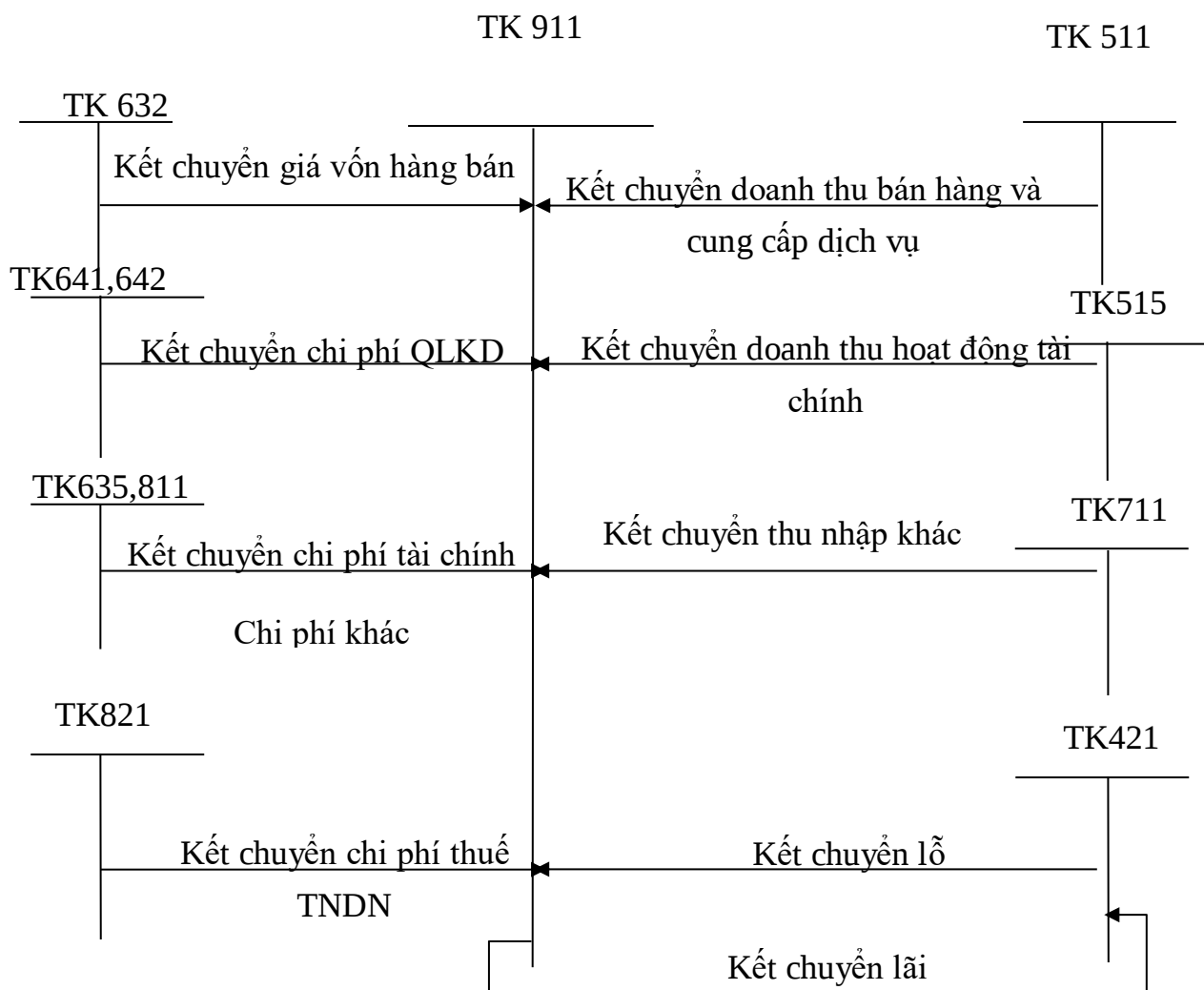
Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp

Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 421 – LNST chưa phân phối	Có
- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp - Trích lập các quỹ của doanh nghiệp - Chia cổ tức, lợi nhuận cho các chủ sở hữu - Bổ sung nguồn vốn kinh doanh - Nộp lợi nhuận lên cấp trên		- Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh trong kỳ - Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên - Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh

Tài khoản cấp 2:

- + TK 4211: Lợi nhuận chưa phân phối năm trước
- + TK 4212: Lợi nhuận chưa phân phối năm nay



Sơ đồ 1.9: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp

1.4. Các hình thức ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo TT133/2016/TT-BTC

Theo phụ lục 4 của Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính thì hình thức ghi sổ kế toán bao gồm các hình thức sau:

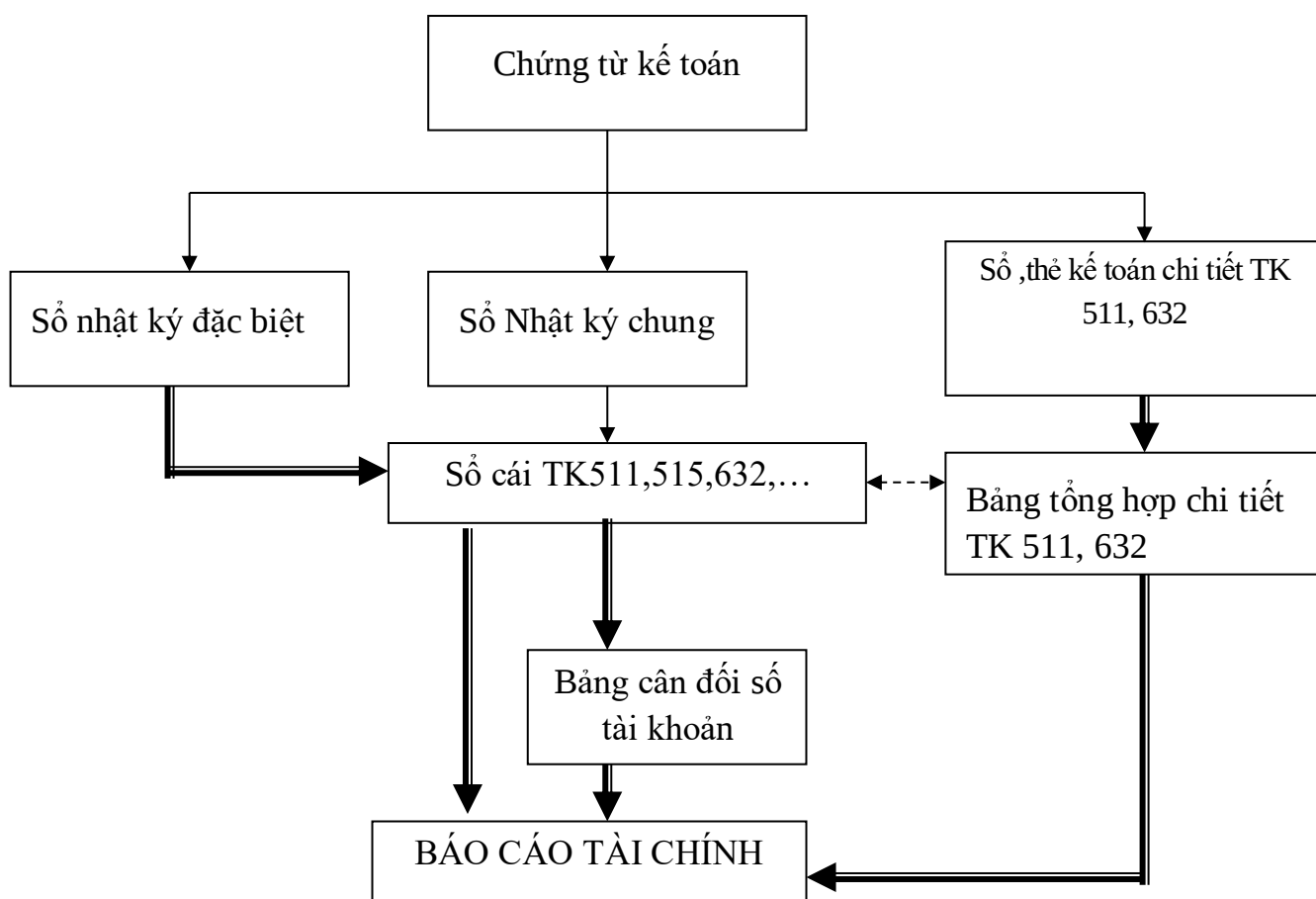
- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký-Sổ cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán máy

1.4.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung

***Đặc điểm:** Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán gồm các loại sổ chủ yếu sau :

- Sổ Nhật ký chung, sổ Nhật ký đặc biệt
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



Ghi chú:

————→ Ghi hàng ngày

====> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ

<-----> Đối chiếu

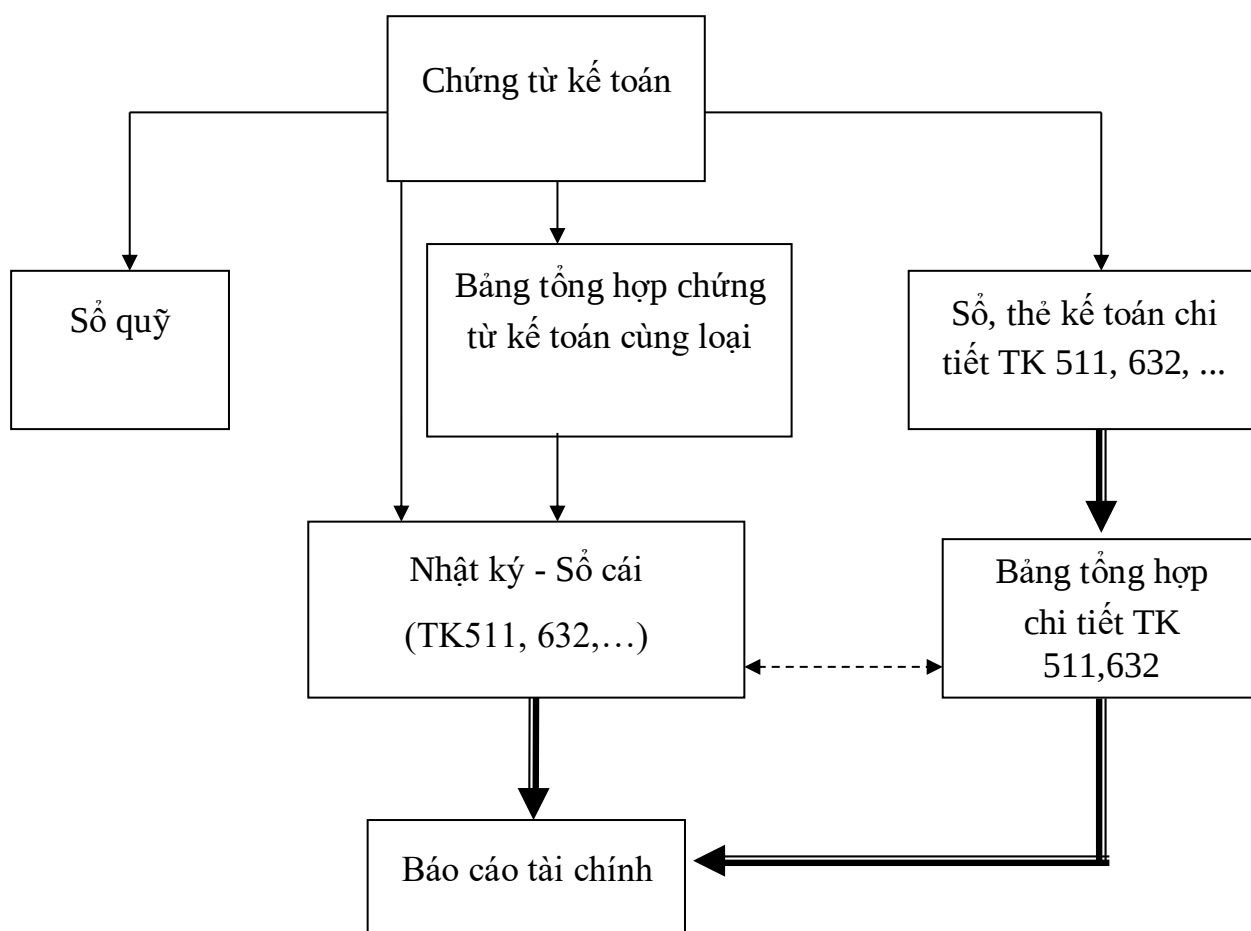
Sơ đồ 1.10 : Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chung

1.4.2. Hình thức kế toán Nhật ký, sổ cái

Đặc điểm: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo TK Kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký- Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký- Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký-Sổ cái gồm các loại sổ sau:

- Nhật ký- sổ cái
- Các sổ,thẻ kế toán chi tiết



Ghi chú:

————→ Ghi hàng ngày

————→ Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ

←-----> Đối chiếu

Sơ đồ 1.11: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký Sổ cái

1.4.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Đặc điểm: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “ Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

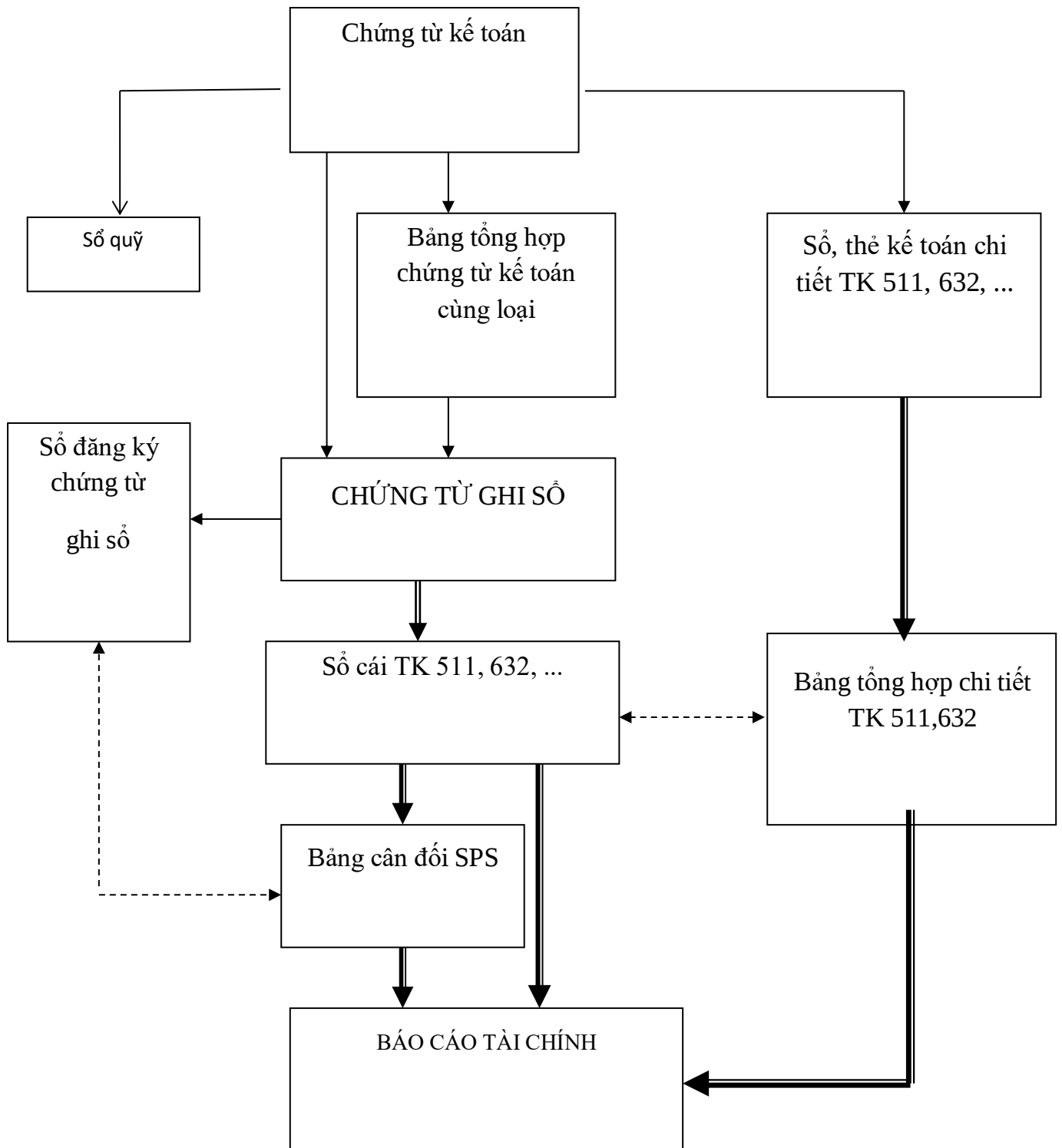
- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ cái

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán

Hình thức Chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

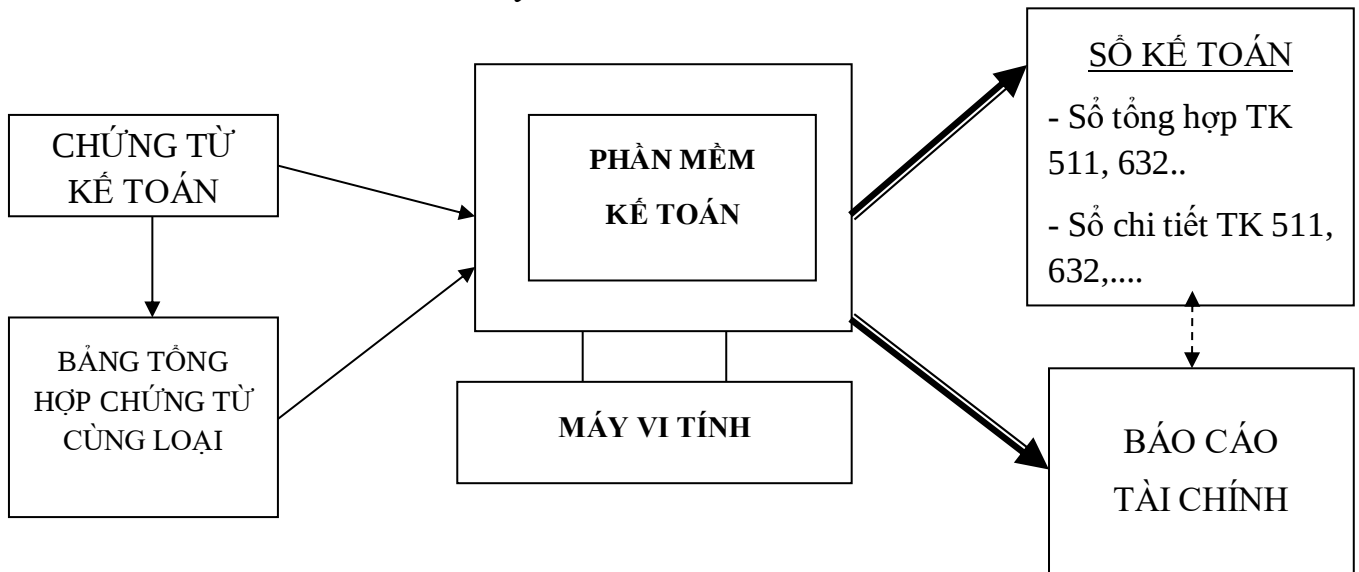


Ghi chú: —————> Ghi hàng ngày

—————> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ

←-----> Đối chiếu

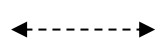
Sơ đồ 1.12: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

1.4.4. Hình thức kế toán máy**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày



Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ



Đối chiếu

Sơ đồ 1.13: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán máy

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KIHIN

2.1. Khái quát về công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kihin

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kihin

- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ KIHIN, được thành lập vào ngày 11/12/2015 với giấy phép kinh doanh số 0201618325 theo QĐ của Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng.

- Tên giao dịch: Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ KIHIN

- Tên tiếng anh : KIHIN TRADING AND SERVICE COMPANY LIMITED

- Địa chỉ trụ sở: Số 47 Lương Khánh Thiện, P. Lương Khánh Thiện, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng .

- Đại diện : Phạm Văn Hùng CMT: 03134258393 Nơi cấp: Hải Phòng

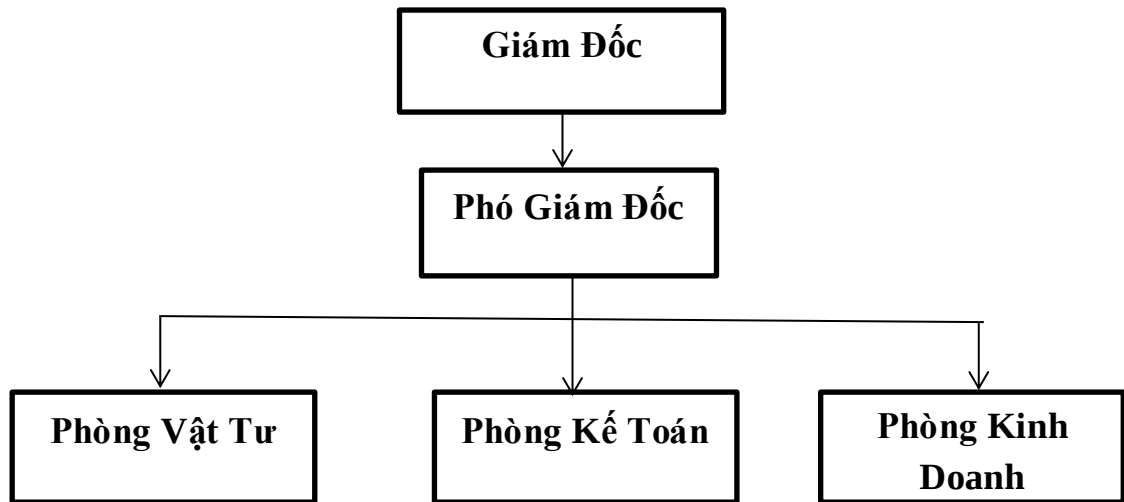
- Mã số thuế: 0201618325

- Điện thoại : 0225.3.292.828

Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ KIHIN là công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh thiết bị , dụng cụ thể thao, đồ dung gia đình, văn phòng phẩm , ... Qua 3 năm hoạt động, mặc dù có không ít khó khăn của cuộc khủng hoảng và cạnh khốc liệt trong ngành thương mại và dịch vụ hàng hóa nhưng Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ KIHIN đang ngày càng phát triển và lớn mạnh bền vững hơn. Có được sự phát triển và lớn mạnh bền vững đó chính là nhờ vào sự đoàn kết nhất trí cao giữa ban lãnh đạo và đội ngũ nhân viên có trình độ tay nghề kỹ thuật tốt.

2.1.2. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kihin

-Để đảm bảo cho sản xuất có hiệu quả và quản lý tốt. Công ty tổ chức bộ máy quản lý gọn nhẹ, theo mô hình trực tuyến chức năng trên cơ sở mối quan hệ chặt chẽ giữa các phòng ban, các bộ phận sản xuất kinh doanh theo một cơ chế chung và hạch toán kinh tế độc lập.



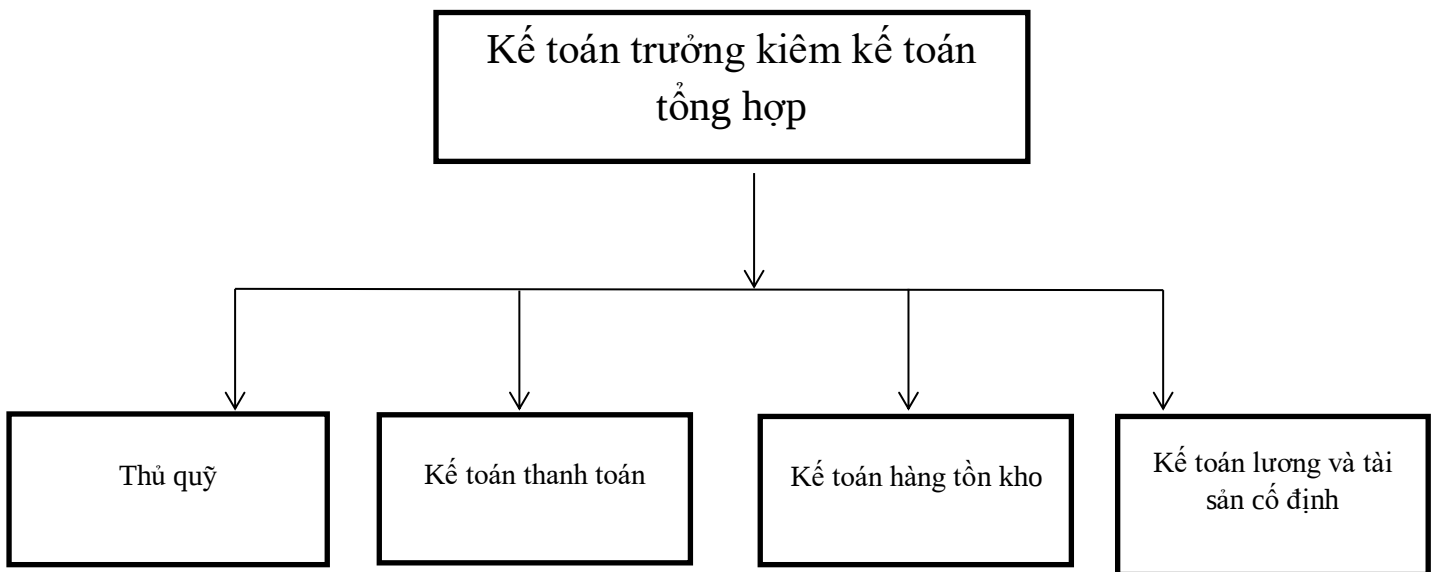
Sơ đồ 2.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy tại công ty

- ✓ **Giám Đốc :**
 - Là người có quyền quyết định và điều hành mọi hoạt động của công ty. Là người chịu trách nhiệm mọi hoạt động diễn ra của công ty trước pháp luật.
 - Có quyền miễn nhiệm hoặc thay thế những cán bộ, công nhân viên hoặc người lao động mà khi xét thấy họ không đảm đương, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
- ✓ **Phó giám đốc :**
 - Khi giám đốc đi vắng, không có mặt tại công ty phó giám đốc sẽ thay mặt, giúp giám đốc công ty công tác điều hành, kịp thời báo cáo, nắm bắt những phát sinh bất thường ở công ty.
 - Sẽ phụ trách những vấn đề liên quan đến lĩnh vực kinh doanh của công ty.
 - Làm những công tác các đối nội công ty, các mối quan hệ liên quan đến chính quyền, các ban ngành có liên quan tại địa phương.
- ✓ **Phòng vật tư :**
 - ✓ Quản lý quá trình nhập – xuất hàng hóa, vật tư của công ty. Kiểm kê, kiểm soát, bảo quản vật tư, hàng hóa. Chịu trách nhiệm tất cả mọi vật tư, hàng hóa
- ✓ **Phòng kế toán :**
 - Quản lý công tác thu – chi, kiểm tra, kiểm soát tài chính toàn công ty. Đảm bảo chính xác những thông tin về tài sản, nguồn vốn, công nợ theo đúng quy định pháp luật nhà nước ban hành
- ✓ **Phòng kinh doanh :**
 - Tổ chức thực hiện hoạch định chiến lược kinh doanh các vấn đề liên quan tới mua bán các loại thiết bị, vật tư, hàng hóa....thuộc lĩnh vực công ty phụ trách.

2.1.3. Đặc điểm công tác kế toán tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kihin

2.1.3.1 Đặc điểm bộ máy kế toán tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kihin

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung. Phòng kế toán hạch toán mọi nghiệp vụ kế toán liên quan đến công ty, thực hiện mọi công tác kế toán nhận và xử lý chứng từ luân chuyển, ghi chép tổng hợp và lập báo cáo tài chính.



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán.

*Chức năng nhiệm vụ của từng nhân viên

- **Kế toán trưởng**: Là người đảm nhận các công tác kế toán của công ty, tham mưu cho giám đốc để đề xuất biện pháp tài chính hiệu quả. Ngoài ra kế toán trưởng còn phải theo dõi các nghĩa vụ với nhà nước và chịu trách nhiệm với cơ quan pháp luật về toàn bộ số liệu kế toán công ty.

- **Kế toán TSCĐ và tiền lương**: Hạch toán, theo dõi từng loại TSCĐ của công ty, trích khấu hao và hao mòn TSCĐ. Phụ trách phần việc tính lương cho người lao động trong công ty, trích các khoản theo lương theo đúng quy định đối với từng người lao động.

- **Kế toán thanh toán**: Phụ trách những công việc theo dõi, thu thập những chứng từ, hóa đơn liên quan đến công nợ của công ty, theo dõi thu chi quỹ tại ngân hàng và quỹ tiền mặt để báo cáo với kế toán trưởng.

- **Thủ quỹ** :Làm nhiệm vụ thu chi tiền mặt dựa trên các chứng từ giấy đề nghị thanh toán, thu chi, tạm ứng,lập báo cáo quỹ tiền mặt theo quy định của pháp luật.

- **Kế toán hàng tồn kho** :Theo dõi,hạch toán: công cụ, dụng cụ, hàng hóa,... tài khoản sử dụng 153,156,... Cuối mỗi tháng sẽ kiểm kê lại kho và đối chiếu sổ sách và thực tế. Khi có phát hiện không khớp thực tế và sổ sách thì báo cáo lại cho lãnh đạo để giải quyết kịp thời.

2.1.3.2. Hình thức kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kihin.

Tại Công ty áp dụng hình thức kế toán là hình thức “ Nhật ký chung “ (Sơ đồ 2.3)

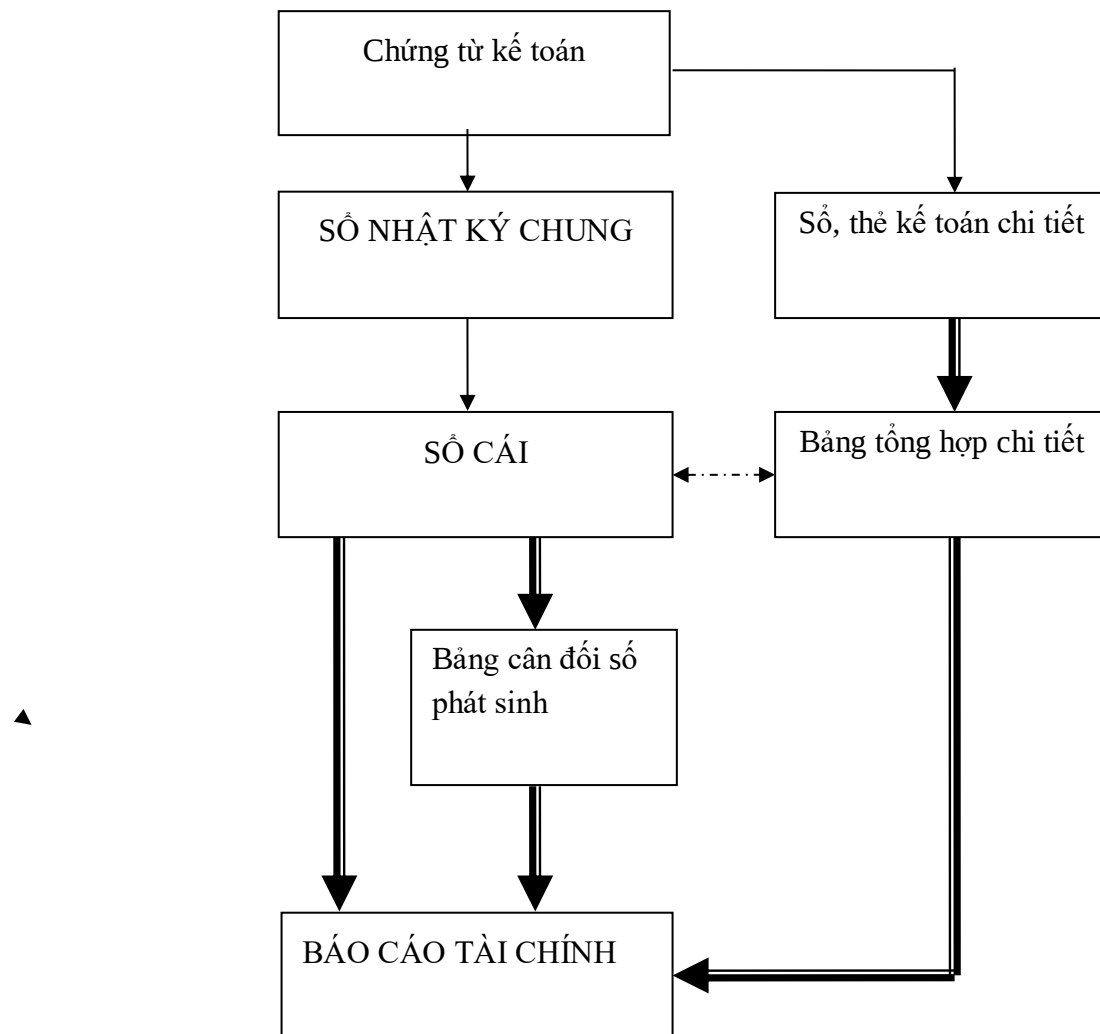
Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

Sổ Nhật ký chung,

Sổ Cái;

Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
 =====> Ghi cuối tháng
 <-----> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.3: Hình thức ghi sổ kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ KIHIN

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp, đúng số liệu ghi trên Sổ

Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

3.1.3.3. Các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kihin

- Niên độ kế toán của công ty bắt đầu từ 01/01 hàng năm kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch hàng năm.

- Đơn vị tiền tệ: VNĐ.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

- Phương pháp tính trị giá tồn kho cuối kỳ : Phương pháp tính giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

- Phương pháp khấu hao tài sản cố định: Khấu hao đều.

- Phương pháp tính thuế Giá trị gia tăng: Phương pháp khấu trừ .

Căn cứ vào số lượng tài khoản sử dụng cũng như quy mô, đặc điểm hoạt động của công ty. Hình thức kế toán được sử dụng là hình thức kế toán “Nhật ký chung”.

2.2 Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kihin

2.2.1. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí hoạt động hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kihin

2.2.1.1. Thực trạng công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a) Chứng từ Kế toán sử dụng :

+ Hóa đơn GTGT

+ Chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng...

+ Các chứng từ liên quan khác : Hợp đồng mua bán,....

b) Tài khoản Kế toán sử dụng

+ TK 511: doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

+TK liên quan khác : TK 111, TK 112,...

c) Sổ sách Kế toán sử dụng:

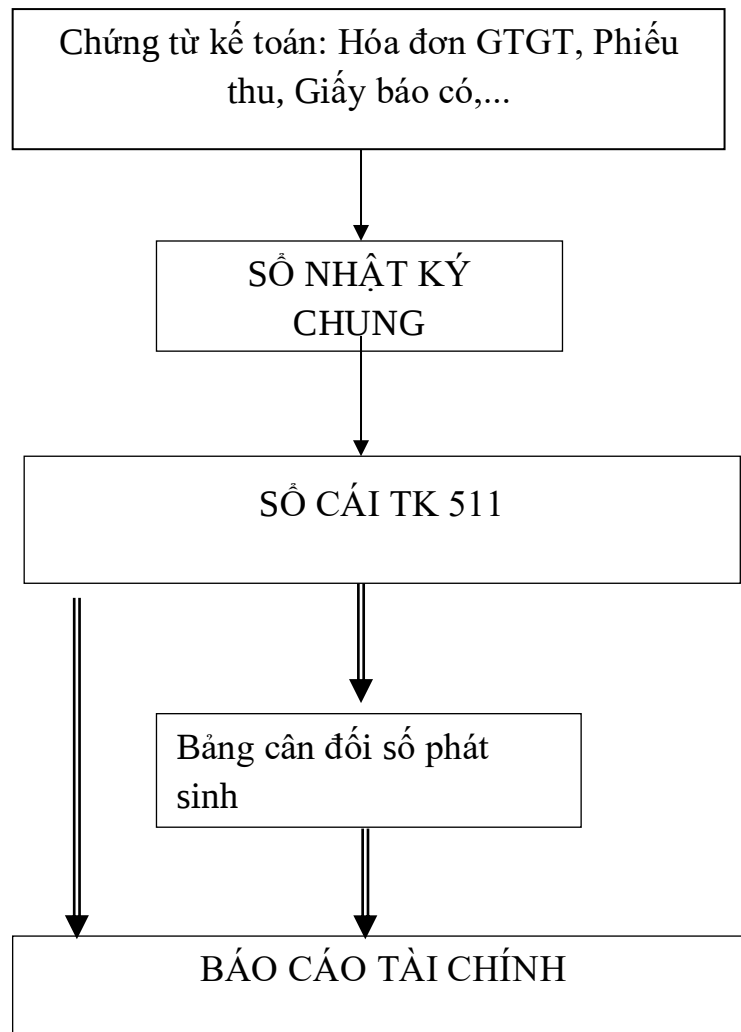
+ Sổ Nhật ký chung

+ Sổ cái TK 511

+ Sổ chi tiết bán hàng

d) Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Sơ đồ quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kihin được khái quát qua sơ đồ 2.4 như sau:



Ghi chú:

————→ Ghi hàng ngày

====> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ

Sơ đồ 2.4 – Quy trình hạch toán doanh thu tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kihin

Ví dụ 1: Ngày 13/12 xuất bán Vợt câu lông Paledas BH 8879 bán cho Công ty Cổ phần Động Lực với trị giá thanh toán 15.400.000 (Đã có thuế VAT 10%), thanh toán bằng tiền mặt.

Căn cứ hóa đơn GTGT số 0000214 (biểu 2.1), phiếu thu số 14 (biểu 2.2), sau đó kế toán ghi sổ Nhật ký chung (biểu 2.3) từ nhật ký chung vào sổ cái (biểu 2.4). Cuối kỳ căn cứ vào số liệu các sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh , báo cáo tài chính.

Biểu 2.1 : Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000214

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG <i>Liên 3: Nội bộ</i> <i>Ngày 13 tháng 12 năm 2017</i>	Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: AA/17P Số: 0000214				
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KIHIN Mã số thuế : 0201618325 Địa chỉ: Số 47 Lương Khánh Thiện, P. Lương Khánh Thiện, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng Điện thoại: 02253.292828 Fax: 02253.272828 Số tài khoản: 0031000203263 – Ngân hàng Vietcombank chi nhánh Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng: Lê Thùy Dương Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỘNG LỰC Mã số thuế: 0100382553 Địa chỉ : Số 130 phố Hạ Đình, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Hà Nội Hình thức thanh toán: CK/TM Số tài khoản: 12010000018292 – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam BIDV					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đv tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
1	Vợt cầu lông Paledas BH 8879	Cây	70	200.000	14.000.000
Cộng tiền hàng :					14.000.000
Thuế suất GTGT: 10%					Tiền thuế GTGT: 1.400.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					15.400.000

Số tiền viết bằng chữ: Mười lăm triệu bốn trăm ngàn đồng/.

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Nguồn số liệu : Phòng Kế toán Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kihin)

Biểu 2.2: Phiếu thu số 14

Đơn vị: Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ KIHIN
Địa chỉ: Số 47 Lương Khánh Thiện, P. Lương Khánh
Thiện, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: 01 - TT
(Ban hành theo TT số:
133/2016/TT- BTC
Ngày 28/6/2016 của BTC)

PHIẾU THU

Ngày 13 tháng 12 năm 2017 Nợ 111:15.400.000

Số : 14/12..... Có 511 :14.000.000

Có 3331:1.400.000

Họ và tên người nộp tiền : Phạm Văn Thắng

Địa chỉ: Phòng kinh doanh Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kihin

Lý do nộp : Nộp tiền hàng bán vớt cầu long cho Công ty Cổ phần Động Lực
theo HĐ GTGT Số 0000214

Số tiền : 15.400.000 (Viết bằng chữ: Mười lăm triệu bốn trăm ngàn đồng/.)

Kèm theo : HĐ GTGT Số 0000214

Ngày 13 tháng 12 năm 2017

Giám Đốc	Kế Toán	Người Nộp	Người Lập	Thủ Quỹ
(Ký, họ tên,	Trưởng	Tiền	Phiếu	(Ký, họ tên)
đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ) : Mười lăm triệu bốn trăm ngàn đồng

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc , đá quý) :

+ Số tiền quy đổi:

(Nguồn số liệu : Phòng Kế toán Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kihin)

Biểu 2.3 : Trích trang Nhật ký chung**Đơn vị:** Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ KIHIN**Địa chỉ:** Số 47 Lương Khánh Thiện, P. Lương Khánh Thiện,
Quận Ngô Quyền, Hải Phòng**Mẫu số S03a – DNN***(Ban hành theo Thông tư số**133/2016/TT- BTC**Ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)***SỔ NHẬT KÝ CHUNG**
Năm 2017

Đơn vị : Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu Tk đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang	...		
01/12	HĐ0000148 PN00124	01/12	Mua Bóng đá 05BHĐT của Công Ty TNHH Thể Thao Bách Hiển	156 133 331	6.600.000 660.000	7.260.000
02/12	BN68	02/12	Trả tiền hàng cho Công Ty CP Ngôi Sao GERU	331 112	15.750.000	15.750.000
...	...	...	...	...		...
04/12	BC79	04/12	Khách trả tiền hàng	112 131	123.000.000	123.000.000
...	...	...	...	...		...
06/12	HĐ0000211 PX00156	06/12	Giá vốn Bóng đá 05BHĐT	632 156	1.338.460	1.338.460
06/12	HĐ0000211	06/12	Doanh thu bán Bóng đá 05BHĐT cho Cty TNHH TT Đức Trung	131 511 3331	2.640.000	2.400.000 240.000
...	...	...	...	...		...
13/12	HĐ0000214 PX00160	13/12	Giá vốn Vợt cầu lông Paledas BH 8879	632 156	23.035.650	23.035.650
13/12	PT 14/12 HĐ0000214	13/12	Bán Vợt cầu lông Paledas BH 8879 cho Công ty cổ phần Động Lực	111 511 3331	15.400.000	14.000.000 1.400.000
15/12	HĐ0000532 PN00129	15/12	Nhập Bóng rổ B7 – cam cao su của Công ty CP Ngôi Sao GERU	156 133 331	36.000.000 3.600.000	39.600.000
.....	...			...		...
20/12	HĐ 000216	20/12	Công ty TNHH Thể Thao Thành Lâm mua bóng ném số 3 Paledas da PU vàng, chưa thanh toán	131 511 3331	29.700.000	27.000.000 2.700.000
24/12	HĐ0000218 PX00170	24/12	Giá vốn xuất Bóng rổ B7 –cam cao su cho CTY TNHH Thể Thao Thiên Trường	632 156	12.012.500	12.012.500
24/12	HĐ0000218	24/12	Doanh thu xuất bán Bóng rổ B7 –cam cao su cho CTY TNHH Thể Thao Thiên Trường	131 511 3331	22.000.000	20.000.000 2.000.000
...	...	...		...		...
			Cộng phát sinh		19.241.003.186	19.241.003.186

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính-Kế toán công ty TNHH thương mại và dịch vụ Kihin)

Biểu 2. 4 : Sổ cái TK 511

Đơn vị: Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ
KIHIN

Mẫu số S03b – DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT- BTC

Địa chỉ: Số 47 Lương Khánh Thiện, P. Lương
Khánh Thiện, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Tài khoản : 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị : Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn Giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng g			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			
			Số trang trước chuyển sang	...		
13/12	HĐ 000021 4	13/12	Bán Vợt cầu lông Paledas BH 8879 cho Công ty cổ phần Động Lực	111		14.000.000
.....				...		
20/12	HĐ 000022 4	20/12	Công ty TNHH Thể Thao Thành Lâm mua bóng ném số 3 Paledas da PU vàng, chưa thanh toán	131		27.000.000
.....				...		
31/12	PKT45	31/12	Kết chuyển doanh thu	911	6.450.240.150	
			Số phát sinh trong kỳ		6.450.240.150	6.450.240.150
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính-Kế toán công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kihin)

2.2.1.2. *Thực trạng công tác kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH**Thương mại và Dịch vụ Kihin*a) *Cách tính giá vốn hàng bán tại công ty*

Giá vốn của hàng bán tại công ty là giá trị thực tế xuất kho của số hàng hóa xuất bán trong kỳ. Công ty tính giá vốn hàng bán theo phương pháp bình quân sau mỗi lần nhập (bình quân liên hoàn)

$$\text{Đơn giá bình quân Sau lần nhập thứ i} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn kho sau lần nhập thứ i}}{\text{Số lượng hàng tồn kho sau lần nhập thứ i}}$$

Ví dụ 2 : (Tiếp ví dụ 1) : Ngày 31/12 công ty TNHH thương mại và dịch vụ Kihin xác định giá vốn hàng xuất kho của hóa đơn số 0000214

Tình hình nhập xuất kho Vợt cầu lông Paledas BH 8879 như sau :

Ngày 13/12/2017 , Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Kihin xuất bán cho Công Ty Cổ phần Động Lực 70 cây Vợt cầu lông Paledas BH 8879 với trị giá xuất kho là 10.399. 970đồng, công ty chưa thanh toán tiền hàng.

Cách xác định đơn giá Vợt cầu lông Paledas BH 8879 xuất kho như sau :

- Trị giá Vợt cầu lông Paledas BH 8879 tồn đầu kỳ là : 14.500.000 đồng.
Trong đó, số lượng hàng tồn là :100 cây. Đơn giá hàng tồn là 145.000 đồng/ cây
- Ngày 03/12/2017, Công ty mua Vợt cầu lông Paledas BH 8879 nhập kho số lượng 250 cây, đơn giá 150.000 đồng/ cây, tổng trị giá hàng nhập kho là :37.500.000 đồng.

- Ngày 13/12/2017 Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Kihin xuất bán cho Công Ty Cổ phần Động Lực 70 cây Vợt cầu lông Paledas BH 8879

Vậy đơn giá Vợt cầu lông Paledas BH 8879 xuất kho ngày 13/12/2017 được tính như sau :

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá xuất} \\ \text{Vợt cầu lông} \\ \text{Paledas BH 8879} \end{array} = \frac{100 \times 145.000 + 250 \times 150.000}{100 + 250}$$

$$= 148.571 \text{ đồng/ cây}$$

$$\text{Trị giá xuất kho ngày 13/12 là :} = 70 \times 148.571 = 10.399.970 \text{ Đồng}$$

- Đơn giá này được ghi vào phiếu xuất kho PX00160 (Biểu 2.5)

b) *Chứng từ kế toán sử dụng tại Công ty*

- Hóa đơn GTGT

- Phiếu xuất kho (trong trường hợp mua bán thẳng)

- Bảng kê xuất kho thành phẩm (chi tiết theo từng đơn đặt hàng)

c) *Tài khoản kế toán sử dụng tại Công ty*

- Tk 632 : Giá vốn hàng bán và các tài khoản có liên quan khác.

- TK 156 : Hàng hóa

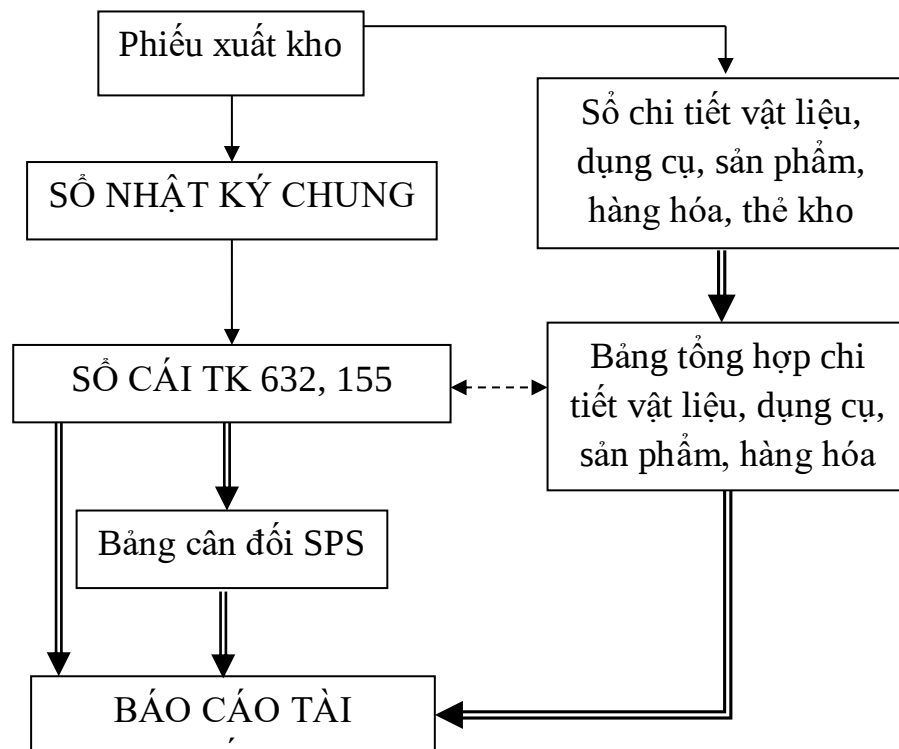
d) *Sổ sách Kế toán sử dụng*

- Sổ nhật ký chung

- Sổ cái TK 632

e) *Quy trình ghi sổ Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty*

Quy trình kế toán giá vốn của công ty được khái quát bằng sơ đồ 2.5



Ghi chú: —————> Ghi hàng ngày

=====> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ

◄-----> Đối chiếu

Sơ đồ 2.5 – Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kihin

- Để phản ánh giá vốn của nghiệp vụ này kế toán lập phiếu xuất kho số 00160 (**biểu số 2.5**),. Từ đó cập nhập số liệu vào sổ nhật ký chung (**biểu số 2.6**) và sổ cái TK 632 (**biểu số 2.7**)
- Từ số liệu sổ cái các tài khoản được sử dụng và lập bảng cân đối số phát sinh, sau đó từ bảng cân đối số phát sinh lập báo cáo tài chính.

Biểu 2.5 : Phiếu xuất kho**Đơn vị:** Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ KIHIN**Địa chỉ:** Số 47 Lương Khánh Thiện, P. Lương Khánh Thiện, Quận
Ngô Quyền, Hải Phòng**Mẫu số: 02 - VT**

(Ban hành theo TT số:

133/2016/TT- BTC

Ngày 28/6/2016 của BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 13 tháng 12 năm 2017

Số: PX00160

Họ và tên người nhận: Phạm Văn Thắng

Địa chỉ: Phòng Kinh Doanh Công ty TNHH Kihin

Lý do xuất kho: Bán hàng cho Công Ty cổ phần Động Lực

Xuất kho: Kho số 01 - Địa điểm: Công ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ KIHIN

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Vợt câu lông Paledas BH 8879	BH 8879	Cây	70	70	148.571	10.399.970
	Cộng:						10.399.970

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH thương mại và dịch
vụ Kihin)

Biểu 2.6: Bảng tổng hợp nhập–xuất tồn kho hàng hóa**Đơn vị:** Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ KIHIN**Địa chỉ:** Số 47 Lương Khánh Thiện, P. Lương Khánh Thiện, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng**Mẫu số S07– DNN***(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT- BTC**Ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)***BẢNG TỔNG HỢP NHẬP – XUẤT – TỒN KHO HÀNG HÓA**

Tháng 12 Năm 2017

Tài Khoản: 156

STT	Tên Hàng Hóa	Đơn Vị Tính	Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ	
			SL	TT	SL	TT	SL	TT	SL	TT
...		...	...	...	...	...	...	...	...	...
10	Vợt câu lông Palesdas thi đấu BH8879	Cây	100	14.500.000	250	37.500.000	160	24.571.360	190	27.428.640
...				...	...	...				...
15	Bóng ném số 3 Paledas da PU vàng	Quả	200	30.000.000	500	77.500.000	60	8.914.260	190	98.585.740
	...	...	...	...	...	...	...		...	...
	Cộng			963.580.000		2.220.244.000		2.560.241.742		623.582.258

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Kế Toán Trưởng
(Ký, Họ Tên)**Giám Đốc**
(Ký, Họ Tên, Đóng Dấu)*(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Kihin)*

Biểu 2.7 : Trích trang Sổ nhật ký chung**Đơn vị:** Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ KIHIN**Địa chỉ:** Số 47 Lương Khánh Thiện, P. Lương Khánh Thiện, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng**Mẫu số S03a – DNN***(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT- BTC**Ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)***SỔ NHẬT KÝ CHUNG**
Năm 2017

Đơn vị : Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu Tk đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang	...		
01/12	HĐ0000148 PN00124	01/02	Mua Bóng đá 05BHĐT của Công Ty TNHH Thể Thao Bách Hiên	156 133 331	6.600.000 660.000	7.260.000
02/12	BN68	02/12	Trả tiền hàng cho Công Ty CP Ngôi Sao GERU	331 112	15.750.000	15.750.000
...	...	...	...	...		...
04/12	BC79	04/12	Khách trả tiền hàng	112 131	123.000.000	123.000.000
...	...	...	...	...		...
06/12	HĐ0000211 PX00156	06/12	Giá vốn Bóng đá 05BHĐT	632 156	1.338.460	1.338.460
06/12	HĐ0000211	06/12	Doanh thu bán Bóng đá 05BHĐT cho Cty TNHH TT Đức Trung	131 511 3331	2.640.000	2.400.000 240.000
...	...	...	...	...		...
13/12	HĐ0000214 PX00160	13/12	Giá vốn Vợt cầu lông Paledas BH 8879	632 156	23.035.650	23.035.650
13/12	HĐ0000214	13/12	Bán Vợt cầu lông Paledas BH 8879 cho Công ty cổ phần Động Lực	111 511 3331	15.400.000	14.000.000 1.400.000
15/12	HĐ0000532 PN00129	15/12	Nhập Bóng rổ B7 – cam cao su của Công ty CP Ngôi Sao GERU	156 133 331	36.000.000 3.600.000	39.600.000
.....	...			...		...
20/12	HĐ 000216	20/12	Công ty TNHH Thể Thao Thành Lâm mua bóng ném số 3 Paledas da PU vàng, chưa thanh toán	131 511 3331	29.700.000	27.000.000 2.700.000
24/12	HĐ0000218 PX00170	24/12	Giá vốn xuất Bóng rổ B7 – cam cao su cho CTY TNHH Thể Thao Thiên Trường	632 156	12.012.500	12.012.500
24/12	HĐ0000218	24/12	Doanh thu xuất bán Bóng rổ B7 –cam cao su cho CTY TNHH Thể Thao Thiên Trường	131 511 3331	22.000.000	20.000.000 2.000.000
...	...	...		...	...	...
			Cộng phát sinh		19.241.003.186	19.241.003.186

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Kihin)

Biểu 2.8 : Sổ cái TK 632

Đơn vị: Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ
KIHIN

Mẫu số S03b – DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT- BTC

Địa chỉ: Số 47 Lương Khánh Thiện, P. Lương
Khánh Thiện, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN
632 – Giá vốn hàng bán
Năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
...	...	...		...	...	...
06/ 12	HĐ0000211 PX00156	06/1 2	Giá vốn Bóng đá 05BHDT xuất cho Công ty TNHH TT Đức Trung	156	1.338.460	...
....				..		
13/ 12	PX00160 HĐ0000214	13/1 2	Giá vốn vọt cầu lông Paledas BH 8879	156		23.035.650
....		...				
			Cộng số phát sinh		4.566.225.347	4.566.225.347
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH thương mại
và dịch vụ Kihin)

2.2.1.3 Thực trạng công tác kế toán chi phí quản lý kinh doanh trong công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kihin

a) Chứng từ kế toán sử dụng tại công ty

- Phiếu chi.
- Hóa đơn GTGT.
- Bảng phân bổ khấu hao, bảng thanh toán lương,...

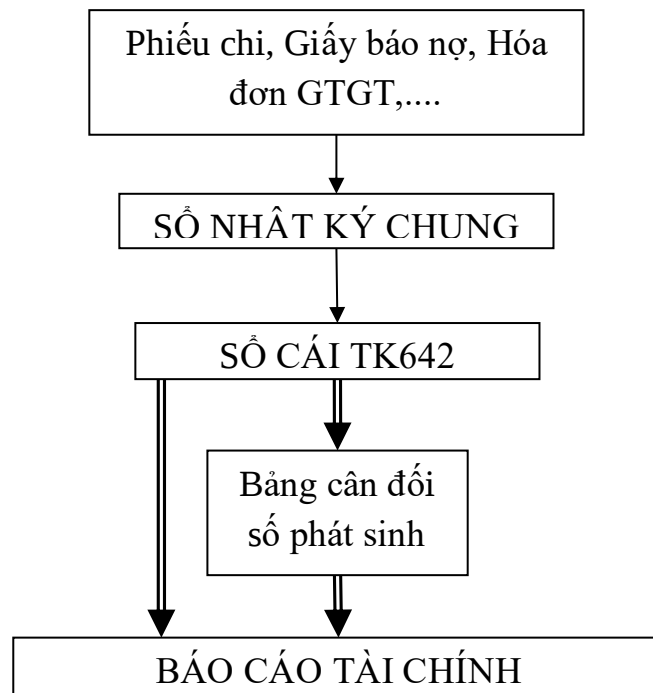
b). Tài khoản kế toán sử dụng.

- TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh.
- Các tài khoản liên quan: TK 111, 112, 131, 133,...

c) Sổ sách kế toán sử dụng

- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ cái TK 642 và các sổ sách có liên quan

d) Quy trình ghi sổ kế toán chi phí quản lý kinh doanh



Ghi chú: $\longrightarrow$ Ghi hàng ngày

$\Longrightarrow$ Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ

Sơ đồ 2.6 – Quy trình hạch toán chi phí kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kihin

Ví dụ 6 : Ngày 10/12 công ty chi tiền mặt thanh toán tiền cước viễn thông tháng 11 với số tiền 942.079 đồng (đã có VAT)

Căn cứ Hóa đơn GTGT số 0000289 (biểu 2.9), phiếu chi số 18/12 (biểu 2.10), căn cứ phiếu chi 18, kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung (Biểu 2.11), căn cứ vào sổ Nhật ký chung, kế toán phản ánh vào Sổ cái TK 642 (Biểu 2.12)

Biểu 2.9: HD GTGT số 0000289

 HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)															
Mẫu số: 01GTTK2/001 TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)															
Ký hiệu (Serial No): AA/15P Liên 2: Giao cho người mua (Customer copy)															
Số (No): 0000289															
Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>2</td><td>8</td><td>7</td><td>9</td><td>7</td><td>7</td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> </table>		0	2	0	0	2	8	7	9	7	7				
0	2	0	0	2	8	7	9	7	7						
Viễn thông Hải Phòng 03036537042016															
Địa chỉ: 1, Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng															
Tên khách hàng (Customer's name): Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Kihin															
Địa chỉ (Address): Số 47 Lương Khánh Thiện, P. Lương Khánh Thiện, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng															
Số điện thoại (Tel): 02253.292828 Mã số (code): HPG-03-035884(T5DHA3)															
Hình thức thanh toán (Kind of Payment): TM <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>5</td><td>8</td><td>7</td><td>4</td><td>0</td><td>2</td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> </table>		0	2	0	0	5	8	7	4	0	2				
0	2	0	0	5	8	7	4	0	2						
STT (NO)	DỊCH VỤ SỬ DỤNG (KIND OF SERVICE)	ĐVT (UNIT)	SỐ LƯỢNG (QUANTITY)	ĐƠN GIÁ (PRICE)	THÀNH TIỀN (AMOUNT) VND										
	2	3	4	5	6=4x5										
	Kỳ cước tháng: 12/2017 a. Cước dịch vụ Viễn thông b. Cước dịch vụ viễn thông không thuế c. Chiết khấu + Đa dịch vụ d. Khuyến mãi e. Trừ đặt cọc + trích thưởng + nợ cũ				856.436 0 0										
(a+b+c+d) Cộng tiền dịch vụ (Total)(1):					856.436										
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10% x (1) = Tiền thuế GTGT (VAT amount)(2):					85.643										
(1+2+e) Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total)(1+2):					942.079										
Số tiền viết bằng chữ (In words): Chín trăm bốn mươi hai nghìn không trăm bảy mươi chín đồng Ngày 10 tháng 12 năm 2017 Người nộp tiền ký (Signature of payer) Nhân viên giao dịch ký (Signature of dealing staff)															

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- kế toán công ty TNHH thương mại và dịch vụ Kihin)

Biểu 2.10: Phiếu chi

Đơn vị: Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ KIHIN Địa chỉ: Số 47 Lương Khánh Thiện, P. Lương Khánh Thiện, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng		Mẫu số: 02 – TT (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)	
		Quyển số: 09 Số: PC10/12 Nợ 642: 856.436 Nợ 133: 85.643 Có 111: 942.079	
PHIẾU CHI <i>Ngày 10 tháng 12 năm 2017.</i>			
Họ và tên người chi tiền:Phạm Văn Mạnh..... Địa chỉ: ...Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kihin Lý do nộp: ... Thanh toán cước điện thoại HD 0000289..... Số tiền: 942.079..... (Viết bằng chữ): Chín trăm bốn mươi hai nghìn không trăm bảy mươi chín đồng. Kèm theo: 0 chứng từ gốc			
<i>Ngày 10 tháng 12 năm 2016</i>			
Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người nhận tiền (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)
Thủ quỹ (Ký, họ tên)			
Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Chín trăm bốn mươi hai nghìn không trăm bảy mươi chín đồng.			
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):			
+ Số tiền quy đổi:			

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Kihin.)

Biểu 2.11 : Trích trang Sổ nhật ký chung

Đơn vị: Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ KIHIN
Địa chỉ: Số 47 Lương Khánh Thiện, P. Lương Khánh Thiện,
 Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03a – DNN
(Ban hành theo Thông tư số
133/2016/TT- BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG**Năm 2017**

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	
01/12	GBN 16 HĐ0000265	01/12	Mua máy tính trả bằng tiền gửi ngân hàng	242	7.500.000	
				133	750.000	
				112		8.250.000
01/12	BPBCPTT/12	01/12	Phân bổ chi phí trả trước	642	208.333	
				242		208.333
...		...	...	...	...	...
10/12	PC10/12	10/12	Thanh toán cước viễn thông tháng 11	642	856.436	
				133	85.643	
				111		942.079
...		...	...	...	...	
			Tổng cộng		<u>19.241.003.186</u>	<u>19.241.003.186</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu**Kế toán trưởng****Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính-Kế toán công ty TNHH thương mại và dịch vụ Kihin)

Biểu 2.12 : Sổ cái Tk 642**Đơn vị:** Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ KIHIN**Mẫu số S03b – DNN***(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT- BTC***Địa chỉ:** Số 47 Lương Khánh Thiện, P. Lương Khánh Thiện, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng*Ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)***SỔ CÁI TÀI KHOẢN
642 – Chi phí quản lý kinh doanh
Năm 2017****Đơn vị tính: VNĐ**
Ngày 31 tháng 12 năm 2017

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
...	...	...		...	...	...
01/12	BPBMTT12	01/12	Phân bổ chi phí trả trước	242	208.333	
...						
10/12	PC10/12	10/12	Thanh toán cước viễn thông tháng 11/2017	111	856.436	
.....				..		
31/12	PKT50	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911		1.847.343.801
			Cộng số phát sinh		1.847.343.801	1.847.343.801
			Số dư cuối kỳ			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)**Giám đốc**
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH

thương mại và dịch vụ Kihin)

2.2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính trong Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kihin

2.2.2.1. Thực trạng công tác kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kihin

- a) Chứng từ kế toán sử dụng tại công ty
 - Giấy báo có của ngân hàng.
- b) Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng :
 - Tài khoản 515- Doanh thu hoạt động tài chính.
- c) Sổ sách kế toán sử dụng tại công ty
 - Sổ nhật ký chung.
 - Sổ cái TK 515 và các sổ sách liên quan khác.
- d) Quy trình hạch toán:

Căn cứ vào Giấy báo có của ngân hàng, kế toán sẽ tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung và sổ cái của các TK 515 và Tk 112. Cuối kỳ sẽ kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Ví dụ 7 : Ngày 23/12, công ty nhận giấy báo có thông báo lãi tiền gửi ngân hàng Vietcombank số tiền : 189.540 đồng.

Căn cứ vào Giấy báo có của ngân hàng Vietcombank (biểu 2.13) , kế toán ghi sổ Nhật ký chung (Biểu 2.14) , sau đó từ sổ nhật ký chung vào sổ cái (Biểu 2.15). Cuối kỳ, căn cứ vào các sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

2.2.2.2. Thực trạng công tác kế toán chi phí hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Kihin

Trong kỳ, công ty không phát sinh các khoản chi phí hoạt động tài chính

Biểu 2.13 : Phiếu báo có Ngân hàng Vietcombank ngày 23/12

PHIẾU BÁO CÓ	
số : 62	
Trang 1/1	
<i>Ngày 23 tháng 12 năm 2017</i>	
Kính gửi: CTY TNHH THUONG MAI VA DICH VU KIHIN	Số tài khoản: 0031000203263
Địa chỉ: SO 47 LUONG KHANH THIEN, PHUONG LUONG KHANH THIEN, QUAN NGO QUYEN, HAI PHONG	Loại tiền: VND
Giấy phép kinh doanh: 0201618325	Loại tài khoản: VND-TGTT-CT TNHH THUONG MAI VA DICH VU KIHIN
Mã số thuế: 0201618325	Số bút toán hạch toán: FT16337375636
G – Account: 10068695	
VIETCOMBANK xin thông báo đã ghi có tài khoản tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:	
Nội dung	Số tiền
CITAD inward Payment	189,540
Tổng số tiền	189,540
Số tiền bằng chữ: <i>Một trăm tám mươi chín nghìn năm trăm bốn mươi đồng chẵn.</i>	
Diễn giải: Lãi tiền gửi ngân hàng	
Lập phiếu	Kiểm soát
	Kế toán trưởng

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Kihin)

Biểu 2.14 : Trích trang Sổ Nhật ký chung**Đơn vị:** Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ KIHIN**Mẫu số S03a – DNN****Địa chỉ:** Số 47 Lương Khánh Thiện, P. Lương Khánh Thiện,
Quận Ngô Quyền, Hải Phòng*(Ban hành theo Thông tư số
133/2016/TT- BTC**Ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng
BTC)***SỔ NHẬT KÝ CHUNG****Năm 2017**

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ Ư	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	
01/12	HĐ000 0265	01/ 12	Mua máy tính trả bằng tiền gửi ngân hàng	242	7.500.000	
				133	750.000	
				112		8.250.000
01/12	BPBCP TT/12	01/ 12	Phân bổ chi phí trả trước	642	957.000	
				242		957.000
...		...	...	...	...	...
10/12	PC18	10/ 12	Thanh toán cước viễn thông tháng 11	642	856.436	
				133	85.643	
				111		942.079
...		...	...	...	...	
23/12	GBC62	23/ 12	Ngân hàng Vietcombank trả lãi trên số dư tài khoản tháng 12	112	189.540	
				515		189.540
...						
			Tổng cộng		<u>19.241.003.186</u>	<u>19.241.003.186</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Giám đốc
(Ký, họ tên)**Người lập biểu**
(Ký, họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)*(Nguồn số liệu : Phòng Tài chính-Kế toán công ty TNHH thương mại và dịch vụ Kihin)*

Biểu 2.15 : Sổ cái TK 515**Đơn vị:** Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ KIHIN**Mẫu số S03b – DNN***(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT- BTC***Địa chỉ:** Số 47 Lương Khánh Thiện, P. Lương Khánh Thiện, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng*Ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)***SỔ CÁI****(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)****Năm : 2017****Tài khoản : 515– Doanh thu hoạt động tài chính**

Đơn vị : Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn Giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng g			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			<u>Số dư đầu kỳ</u>		<u>....</u>	
			Số trang trước chuyển sang	...		
.....				...		
23/12	GBC 62	23/12	Lãi nhập vốn	112		189.540
.....				...		
31/12	PKT53	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	4.793.270	
			Số phát sinh trong kỳ		4.793.270	4.793.270
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Sổ này có...trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

– Ngày mở sổ:...

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu**Kế toán trưởng****Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu : Phòng Tài chính-Kế toán công ty TNHH thương mại và dịch vụ Kihin)

2.2.3. Thực trạng công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh trong Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kihin

2.2.3.1 Chứng từ sử dụng :

+ Phiếu kế toán

2.2.3.2. Tài khoản kế toán sử dụng

+TK 911

+Tk 821

+TK 421

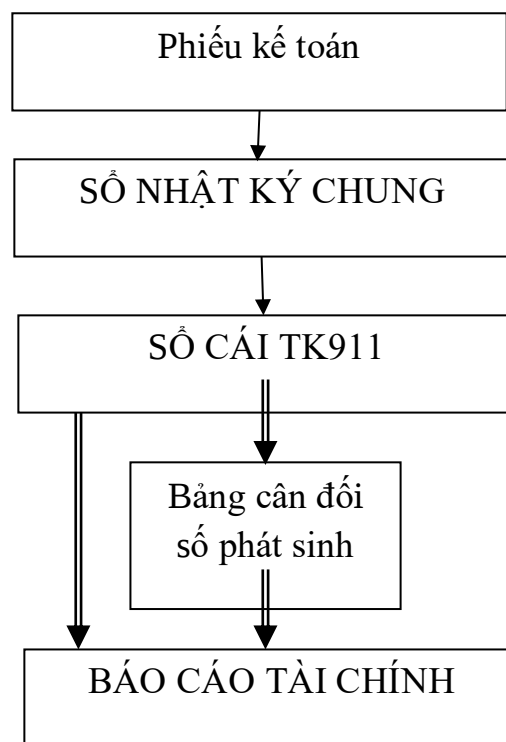
2.2.3.3 Sổ kế toán sử dụng :

+ Sổ cái TK 911 : “Kết quả kinh doanh”

+ Sổ cái TK 821 : “ Chi phí thuế TNDN “

+Sổ cái TK 421 : “ Lợi nhuận chưa phân phối”

2.2.3.4. Quy trình hạch toán công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty



Ghi chú: $\longrightarrow$ Ghi hàng ngày

$\Longrightarrow$ Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ

Sơ đồ 2.7 – Quy trình xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kihin

-ví dụ minh họa :

Ngày 31/12 : Để kết chuyển các khoản doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh, kế toán tiến hành lập các phiếu kế toán số 54,55,56,57,58 (biểu 2.16, 2.17, 2.18, 2.19, 2.20).

Từ phiếu kế toán , kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu 2.21) . Căn cứ vào sổ Nhật ký chung , kế toán phản ánh vào sổ cái TK 911 (Biểu 2.22) , sổ cái TK 821 (Biểu 2.23) , Sổ cái TK 421 (Biểu 2.24).

Biểu 2.16 : Phiếu kế toán

Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Kihin Số 47 Lương Khánh Thiện, P.Lương Khánh Thiện, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng Mã số thuế 0201618325				
PHIẾU KẾ TOÁN				
Số 54				
Ngày 31 tháng 12 năm 2017				
STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	6.450.240.150
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	4.793.270
	Cộng			6.455.033.420
Người lập biểu (Ký, họ tên)		Ngày 31 tháng 12 năm 2017 Kế toán trưởng (Ký, họ tên)		

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH thương mại và dịch vụ Kihin)

Biểu 2.17 : Phiếu kế toán

Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Kihin

Số 47 Lương Khánh Thiện, P.Lương Khánh Thiện, Quận

Ngô Quyền, Hải Phòng

Mã số thuế 0201618325

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 55

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	4.566.225.347
2	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	642	1.847.343.801
	Cộng			6.413.569.148

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH thương mại và dịch vụ Kihin)

Biểu 2.18 : Phiếu kế toán

Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Kihin

Số 47 Lương Khánh Thiện, P.Lương Khánh Thiện, Quận

Ngô Quyền, Hải Phòng

Mã số thuế 0201618325

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 56

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Xác định thuế TNDN	821	3334	8.292.854
	Cộng			8.292.854

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH thương mại và dịch vụ Kihin)

Biểu 2.19 : Phiếu kế toán

Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Kihin

Số 47 Lương Khánh Thiện, P.Lương Khánh Thiện, Quận

Ngô Quyền, Hải Phòng

Mã số thuế 0201618325

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 57

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	8.292.854
	Cộng			8.292.854

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH thương mại và dịch vụ Kihin)

Biểu 2.20 : Phiếu kế toán

Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Kihin

Số 47 Lương Khánh Thiện, P.Lương Khánh Thiện, Quận

Ngô Quyền, Hải Phòng

Mã số thuế 0201618325

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 56

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	421	33.171.418
	Cộng			33.171.418

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH thương mại và dịch vụ Kihin)

Biểu 2.21 : Trích trang Sổ Nhật ký chung**Đơn vị:** Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ KIHIN**Địa chỉ:** Số 47 Lương Khánh Thiện, P. Lương Khánh Thiện,
Quận Ngô Quyền, Hải Phòng**Mẫu số S03a – DNN***(Ban hành theo Thông tư số
133/2016/TT- BTC**Ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng
BTC)***SỔ NHẬT KÝ CHUNG****Năm 2017**

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ U'	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	
31/12	PKT 54	31/ 12	Kết chuyển doanh thu	511	6.450.240.150	
			bán hàng, doanh thu	515	4.793.270	
			hoạt động tài chính	911		6.455.033.420
31/12	PKT 55	31/ 12	Kết chuyển giá vốn	911	6.413.569.148	
			hàng bán, chi phí quản	632		4.566.225.347
			lý kinh doanh	642		1.847.343.801
31/12	PKT 56	31/ 12	Xác định thuế TNDN	821	8.292.854	
			năm 2017	3334		8.292.854
31/12	PKT 57	31/ 12	Kết chuyển chi phí	911	8.292.854	
			thuế TNDN	821		8.292.854
31/12	PKT58	31/ 12	Kết chuyển kết quả	911	33.171.418	
			kinh doanh năm 2017	421		33.171.418
			Tổng cộng		<u>19.241.003.186</u>	<u>19.241.003.186</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu : Phòng Tài chính-Kế toán công ty TNHH thương mại và dịch vụ Kihin)

Biểu 2.22 : Sổ cái TK 911

Đơn vị: Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ
KIHIN

Mẫu số S03b – DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT- BTC

Địa chỉ: Số 47 Lương Khánh Thiện, P. Lương
Khánh Thiện, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm : 2017

Tài khoản : 911- Xác định kết quả kinh doanh

Đơn vị : Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn Giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			<u>Số dư đầu kỳ</u>		<u>....</u>	
			Số trang trước chuyển sang	...		
31/12	PKT54	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511		6.450.240.150
31/12	PKT 54	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		4.793.270
31/12	PKT55	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	4.566.225.347	
31/12	PKT56	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN	642	1.847.343.801	
31/12	PKT56	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	8.292.854	
31/12	PKT57	31/12	Kết chuyển kết quả kinh doanh	421	33.171.418	
			Số phát sinh trong kỳ		6.455.033.420	6.455.033.420
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Sổ này có...trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

– Ngày mở sổ:...

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu : Phòng Tài chính-Kế toán công ty TNHH thương mại và dịch vụ Kihin)

Biểu 2.23 : Sổ cái TK 821**Đơn vị:** Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ KIHIN**Mẫu số S03b – DNN****Địa chỉ:** Số 47 Lương Khánh Thiện, P. Lương Khánh
Thiện, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng*(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT- BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)***SỔ CÁI TÀI KHOẢN****821 – Chi phí thuế TNDN****Năm 2017****Đơn vị tính: VNĐ**

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
...	...	...		...	...	...
31/12	PKT56	31/12	Xác định thuế TNDN	3334	8.292.854	...
31/12	PKT57	31/12	Kết chuyển thuế TNDN	911		8.292.854
			Cộng số phát sinh		8.292.854	8.292.854
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ**Kế toán trưởng****Giám đốc***(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên, đóng dấu)**(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH thương mại và dịch vụ Kihin)*

Biểu 2.24 : Sổ cái TK 421**Đơn vị:** Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ**Mẫu số S03b – DNN**

KIHIN

*(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT- BTC***Địa chỉ:** Số 47 Lương Khánh Thiện, P. Lương*Ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)*

Khánh Thiện, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

SỔ CÁI TÀI KHOẢN**421-Lợi nhuận chưa phân phối****Năm 2017****Đơn vị tính: VNĐ**

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			31.193.157
...	...	...		...	...	...
31/12	PKT24	31/12	Kết chuyển lãi	911		33.171.418
			Cộng số phát sinh			33.171.418
			Số dư cuối kỳ			64.364.575

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ**Kế toán trưởng****Giám đốc***(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên, đóng dấu)*

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH thương mại và dịch vụ Kihin)

Biểu 3.25 : Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****Năm 2017**

Đơn vị tính: VND

HẠNG MỤC	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	6.450.240.150	17.893.514.867
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 – 02)	10		6.450.240.150	17.893.514.867
4. Giá vốn hàng bán	11		4.566.225.347	15.974.552.076
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 11)	20		1.884.014.803	1.918.962.791
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		4.793.270	2.563.284
7. Chi phí tài chính	22		0	0
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		1.847.343.801	1.890.097.706
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 – 22 – 24}	30		41.464.272	31.428.369
10. Thu nhập khác	31		0	17.692.765
11. Chi phí khác	32		0	9.856.078
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 – 32)	40		0	7.563.077
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		41.464.272	38.991.446
14. Chi phí thuế TNDN	51		8.292.854	7.798.289
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51 – 52)	60		33.171.418	31.193.157

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH thương mại và dịch vụ Kihin)

CHƯƠNG 3 : MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KIHIN

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Kihin

Hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một nội dung quan trọng trong công tác kế toán của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kihin Bởi vì việc hạch toán này phản ánh sự vận động của tài sản, tiền vốn của công ty trong lưu thông trên cơ sở đặc điểm của từng phần hành kế toán doanh thu, chi phí đã vận dụng linh hoạt lý luận vào thực tiễn đồng thời cung cấp đầy đủ thông tin giúp cho ban lãnh đạo có những quyết định vào kinh doanh tốt nhất và có chiến lược kịp thời đúng đắn.

Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kihin là một doanh nghiệp lâu năm, trong quá trình phát triển ban lãnh đạo của công ty đã đi tìm cho mình hướng đi phù hợp với khả năng để đa dạng sản phẩm. Để có những kết quả như hiện nay công ty đã xây dựng bộ máy quản lý khoa học và chặt chẽ.

Qua thời gian thực tập tại Công ty, em nhận thấy tổ chức kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty đã đạt được những kết quả sau

3.1.1. Kết quả đạt được

3.1.1.1. Về bộ máy tổ chức kế toán tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kihin:

- Bộ máy kế toán ít nhân viên nhưng đảm bảo được việc cung cấp thông tin kế toán kịp thời cho việc quản lý và chỉ đạo sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Bộ phận kế toán của công ty có 5 người bao gồm một kế toán trưởng kiêm kế toán tổng hợp, một thủ quỹ, một kế toán thanh toán, một kế toán hàng tồn kho và một kế toán lương và TSCĐ rất phù hợp với khối lượng công việc kế toán tại công ty. Thêm vào đó, đội ngũ kế toán có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn cao giúp cho công tác kế toán tại công ty được thực hiện kịp thời và chính xác.

- Thông tin do bộ phận kế toán cung cấp đầy đủ, chính xác kịp thời nên việc đối chiếu, kiểm tra số liệu với bộ phận kinh doanh và lập báo cáo tài chính

được thuận lợi dễ dàng. Đồng thời giúp cho công tác quản lý doanh nghiệp đạt hiệu quả cao.

3.1.1.2. Về hình thức kế toán ghi sổ:

+ Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung. Hình thức này đơn giản, phù hợp với hoạt động kinh doanh tại công ty. Đồng thời, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phản ánh, theo dõi theo trình tự thời gian giúp thông tin kế toán được cập nhật thường xuyên và đầy đủ

3.1.1.3 Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

+ Các nghiệp vụ kinh tế pháp sinh liên quan đến doanh thu được cập nhật đều đặn hàng ngày, phù hợp với các điều kiện ghi nhận doanh thu

+ Các nghiệp vụ liên quan đến chi phí đều được ghi chép cẩn thận, kịp thời giúp doanh nghiệp có thể quản lý các chi phí một cách hợp lý hơn.

+ Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh đã phần nào đáp ứng được việc cung cấp thông tin liên quan đến tình hình kinh doanh của công ty, giúp ban lãnh đạo công ty đưa ra quyết định kinh doanh đúng đắn nhất.

3.1.2. Hạn chế

Hệ thống máy tính ở phòng kế toán chưa thực sự được sử dụng một cách hiệu quả để phục vụ cho công tác kế toán, công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán trong việc hạch toán nên vẫn tồn tại những hạn chế nhất định như mất thời gian, dễ gây nhầm lẫn, sai sót, không hiệu quả...chính vì thế mà Báo cáo tài chính của công ty đôi khi chậm trễ về thời gian, khi có sai sót thì khó phát hiện ra.

– Khách hàng của công ty là những khách hàng thường xuyên nhưng lại thanh toán chậm, nợ nhiều dẫn đến tình trạng tồn đọng vốn. Tuy vậy công ty lại chưa tiến hành các khoản dự phòng (dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá hàng tồn kho) nên chưa lường trước rủi ro trong kinh doanh. Điều này dễ gây đột biến chi phí kinh doanh và phản ánh sai lệch kết quả kinh doanh của kỳ đó.

3.2. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kihin

3.2.1. Giải pháp thứ nhất : Công ty nên hạch toán chi tiết doanh thu-chi phí theo từng mặt hàng

Để hoàn thiện hơn hệ thống kế toán, công ty nên lập hệ thống các sổ chi tiết để tiện theo dõi cho các khoản doanh thu, chi phí. Đồng thời có thể nắm rõ

được tình hình phát sinh tăng, giảm của từng loại doanh thu, chi phí. Từ đó, lãnh đạo công ty có thể đưa ra những giải pháp cụ thể hơn để quản lý và điều hành công ty.

Công ty nên mở sổ chi tiết bán hàng (biểu 3.1) và Sổ chi phí sản xuất kinh doanh (biểu 3.2).

Mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho tài khoản 632 (như biểu số 3.3) tạo điều kiện cho việc theo dõi giá vốn tương ứng của từng mặt hàng đã được mở ở sổ chi tiết bán hàng

Ví dụ: Với nghiệp bán hàng tại ví dụ 1, ngoài việc ghi chép vào sổ sách đã trình bày, kế toán nên ghi bổ sung vào sổ chi tiết bán hàng cho từng mặt hàng cụ thể.

Biểu số 3.1 – Sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị:					Mẫu số: S16 – DNN				
Địa chỉ:					<i>(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT/BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)</i>				
SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư): Năm....									
Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ Ư	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng g			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5
			Số dư đầu kỳ						
			Số phát sinh						
			Doanh thu thuần						
			Giá vốn hàng bán						
			Lãi gộp						
- Sổ này có ... trang, đánh từ trang 01 đến trang... - Ngày mở sổ: ...					Ngày ... tháng ... năm.....				
Người ghi sổ <i>(Ký, họ tên)</i>					Kế toán trưởng <i>(Ký, họ tên)</i>			Giám đốc <i>(Ký, họ tên)</i>	

Biểu số 3.2– Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Đơn vị: Địa chỉ:					Mẫu số S17-DNN <i>(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT/BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)</i>		
SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH (Dùng cho các tài khoản: 154, 631, 641, 642, 242, 335, 632) Tài khoản: Tên sản phẩm dịch vụ:							
NTG S	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Ghi nợ TK		
	Số hiệu	Ngày tháng năm			Tổng	Số lượng	Đơn giá
A	B	C	D	E	1	2	3
			Số dư đầu kỳ				
			Số phát sinh trong kỳ				
			Cộng số phát sinh trong kỳ				
			Ghi có TK				
			Số dư cuối kỳ				
Sổ này có ... trang, đánh từ trang 01 đến trang... Ngày mở sổ: ...							
Người ghi sổ <i>(Ký, họ tên)</i>				Kế toán trưởng <i>(Ký, họ tên)</i>			
Ngày ... tháng ... năm							

Biểu 3.3 - Sổ chi tiết bán hàng Vợt câu lông Paledas

Đơn vị: Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ KIHIN Địa chỉ: Số 47 Lương Khánh Thiện, P. Lương Khánh Thiện, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng					Mẫu số: S16 – DNN <i>(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT/BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)</i>				
SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư): Vợt câu lông Năm 2017									
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			SL	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5
			Số dư đầu kỳ						
			Số phát sinh						
...	...	...				...		...	...
13/12	HD GTGT 0000214	13/12	Bán hàng cho Công ty Cổ phần Động Lực	111	70	200.000	14.000.000		
...	...					...		...	...
			Cộng số phát sinh						
			Giá vốn hàng bán						
			Lãi gộp						
- Sổ này có ... trang, đánh từ trang 01 đến trang... - Ngày mở sổ: ...								Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
Người ghi sổ (Ký, họ tên)				Kế toán trưởng (Ký, họ tên)			Giám đốc (Ký, họ tên)		

Biểu số 3.4 - Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh**Đơn vị:** Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ KIHIN**Địa chỉ:** Số 47 Lương Khánh Thiện, P. Lương Khánh Thiện, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng**Mẫu số S17-DNN***(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT/BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)***SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH**

Tài khoản: 632

Tên sản phẩm dịch vụ: Vợt cầu lông Paledas

NTG S	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Ghi nợ TK 632		
	Số hiệu	Ngày y tháng g			Tổng	Số lượng	Đơn giá
A	B	C	D	E	1	2	3
			Số dư đầu kỳ				
			Số phát sinh trong kỳ				
...	...	...		...	...		
13/12	PX 00160	13/1 2	Giá vốn bán hàng hóa đơn số 0000214 cho Công ty Cổ phần Động Lực	156	14.000.000	70	200
...	...	...		..	...		
			Cộng số phát sinh trong kỳ				
			Ghi có TK				
			Số dư cuối kỳ				

Sổ này có ... trang, đánh từ trang 01 đến trang...

Ngày mở sổ: ...

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 3.5 – Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh**Đơn vị:** Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ KIHIN**Địa chỉ:** Số 47 Lương Khánh Thiện, P. Lương Khánh Thiện, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng**Mẫu số S17-DNN***(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT/BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)***SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH**

Tài khoản: 642

Tên sản phẩm dịch vụ:

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Ghi có TK 642				
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra			
						6421	...	6427	6428
A	B	C	D	E	F	1	...	2	3
			Số dư đầu kỳ						
			Số phát sinh trong kỳ						
...		...		...	...		...		
09/12	PC 09/12	09/12	Chi tiền phục vụ QLDN	111	5.856.000				5.856.000
10/12	BTTL 10	10/12	Lương phải trả CNV tháng 10	334	45.765.500	45.765.500			
10/12	PC 10/12	10/12	Thanh toán tiền điện	111	2.450.000			2.450.000	
...	...	...		...	...		...	...	
			Cộng số phát sinh trong kỳ		538.576.233				
			Ghi nợ TK 911		538.576.233				
			Số dư cuối kỳ						

Sổ này có ... trang, đánh từ trang 01 đến trang...

Ngày mở sổ: ...

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

3.2.2 Giải pháp thứ 2: Hoàn thiện việc lập dự phòng phải thu khó đòi tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kihin

Hiện nay, công ty có một số khách hàng quá hạn thanh toán trong khi đó công ty chưa tiến hành trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi. Đây chính là một bất lợi lớn khi việc gặp phải rủi ro không thu hồi được là rất cao.

- Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi:

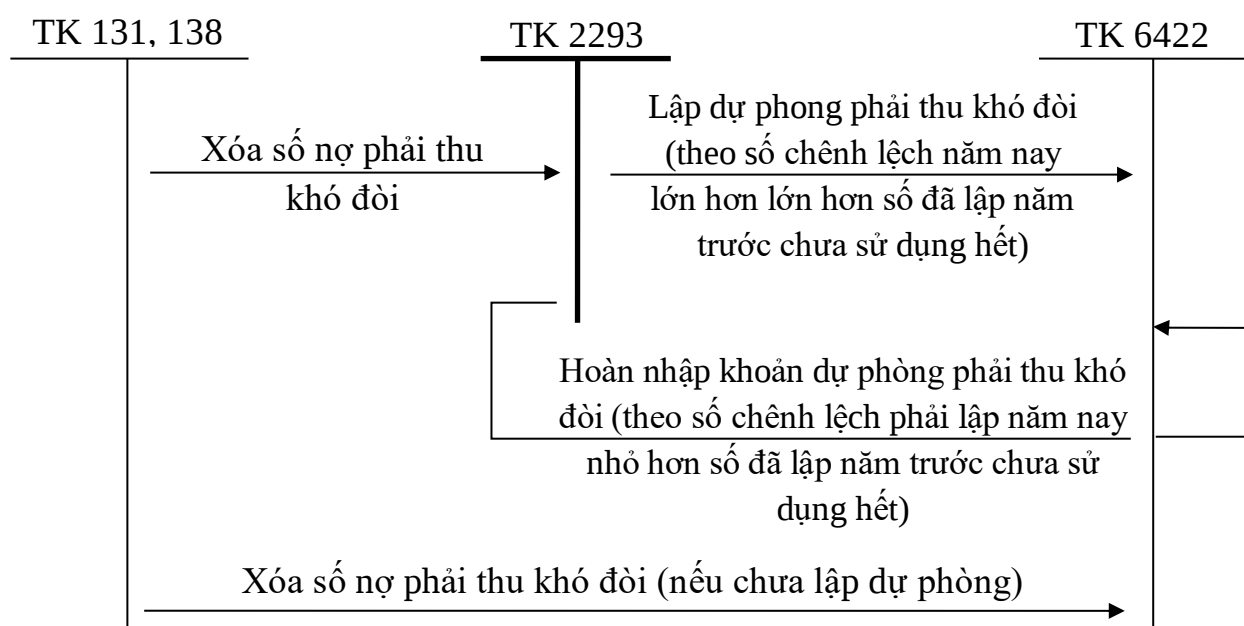
Doanh nghiệp tiến hành lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi kèm theo các chứng từ chứng minh các nợ khó đòi nói trên.

Trong đó: Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

Thời gian quá hạn thanh toán	Mức dự phòng trích lập
06 tháng $\leq T \leq$ 01 năm	30% giá trị nợ phải thu quá hạn
01 năm $< T <$ 02 năm	50% giá trị nợ phải thu quá hạn
02 năm $< T <$ 03 năm	70% giá trị nợ phải thu quá hạn
$T >$ 03 năm	100% giá trị nợ phải thu quá hạn

Đối với nợ phải thu chưa đến hạn nhưng khách hàng nợ đã rơi vào tình trạng phá sản hoặc làm thủ tục giải thể, bị cơ quan pháp luật truy tố,... thì doanh nghiệp quy định mức tổn thất không thu hồi được để lập dự phòng. Sau khi lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp lại toàn bộ phần dự phòng vào bảng kê chi tiết để là, căn cứ hạch toán chi phí QLDN.

Kế toán trích lập phải thu khó đòi được thể hiện qua sơ đồ sau:



• **Ví dụ:** Từ bảng kê công nợ (Biểu số 3.6) và dựa vào mức trích lập dự phòng kế toán tiến hành trích lập dự phòng phải thu khó đòi (Biểu số 3.8) vào ngày 31/12 như sau:

Biểu số 3.6 – Bảng kê công nợ tính đến ngày 31/12/2017

Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kihin

47 Lương Khánh Thiện, P.Lương Khánh Thiện, Q.Ngô Quyền, Hải Phòng

BẢNG KÊ CÔNG NỢ

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

Tên khách hàng	Số tiền nợ	Chưa đến hạn	Đến hạn	Quá hạn	Không đòi được	Ghi chú
Công ty TNHH Thể Thao Đức Trung	50.233.500	50.233.500				
Công ty TNHH Thể Thao Thiên Trường	85.427.000			85.427.000		14tháng 9 ngày
Công ty Cổ Phần Động Lực	60.300.000		60.300.000			
.....						
Tổng cộng	386.232.283	200.346.783	100.458.500	85.427.000		

Biểu số 3.7 – Bảng kê trích lập dự phòng phải thu khó đòi**Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kihin****47 Lương Khánh Thiện, P.Lương Khánh Thiện, Q.Ngô Quyền, Hải Phòng****BẢNG KÊ TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

Tên khách hàng	Số tiền Nợ	Thời gian quá hạn thanh toán	Tỷ lệ trích lập	Số cần lập dự phòng
Công ty TNHH Thở Thao Thiên Trường	85.427.000	14 tháng 09 ngày	50%	42.713.500
Tổng cộng	85.427.000			42.713.500

Kế toán định khoản:

Nợ TK 6422: 42.713.500

Có TK 2293: 42.713.500

Kế toán lập phiếu kế toán cho nghiệp vụ trên và ghi vào các sổ sách có liên quan.

3.1.3 Giải pháp thứ 3 : Công ty nên áp dụng phần mềm kế toán.

Tổ chức công tác kế toán diễn ra một cách thuận lợi thì nhân viên kế toán không những có trình độ chuyên môn, hiểu được quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bên cạnh đó phải có kiến thức về công nghệ mới, áp dụng được khoa học công nghệ vào công việc.

Công ty nên áp dụng khoa học kỹ thuật vào công tác kế toán như việc sử dụng phần mềm kế toán. Hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán như phần mềm kế toán như:

- * Phần mềm kế toán CeAC



Phần mềm kế toán CeAC là phần mềm kế toán online của CMC Soft được triển khai trên nền điện toán đám mây, giúp doanh nghiệp tiết kiệm tới 92% chi phí đầu tư và bảo trì so với các phần mềm kế toán sản xuất thông thường khác.

Nhiệm vụ kế toán phi hạch toán thông minh của CeAC giúp đơn giản hóa công tác kế toán, tăng tính chính xác của dữ liệu. Phân hệ Sản xuất được thiết kế với những tính năng chính: Nhập mã thành phẩm từ quy trình sản xuất; Xuất kho nguyên vật liệu để sản xuất; Nhập kho thành phẩm.

Giải pháp kỹ thuật mạnh mẽ của CeAC giúp các doanh nghiệp sản xuất tiết kiệm tối đa chi phí và có thể nâng cấp hệ thống theo nhu cầu mở rộng quy mô của doanh nghiệp.

- * Phần mềm kế toán MISA.SME.NET 2017

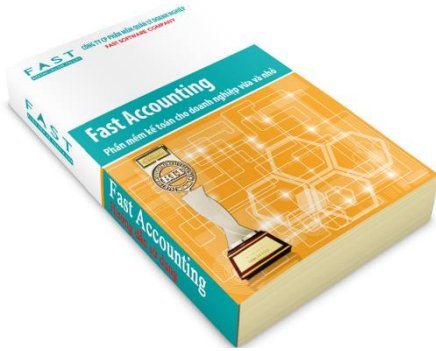


Phần mềm kế toán Misa là phần mềm kế toán sản xuất thông dụng cho các loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ. Phần mềm được sử dụng khá phổ biến bởi nó hỗ trợ nhiều phân hệ, giao diện thân thiện dễ sử dụng và cho phép người dùng dễ dàng quản lý.

Các phân hệ của phần mềm này đáp ứng tương đối tốt các yêu cầu của một phần mềm kế toán sản xuất như: Tập hợp các chi phí trực tiếp, phân bổ chi phí gián tiếp, đánh giá sản phẩm dở dang, tính giá thành sản phẩm,...

Giá: Miễn phí – 12.950.000đ/ Gói (chưa bao gồm chi phí dịch vụ cài đặt, đào tạo, tư vấn)

* Phần mềm kế toán Fast Accounting:

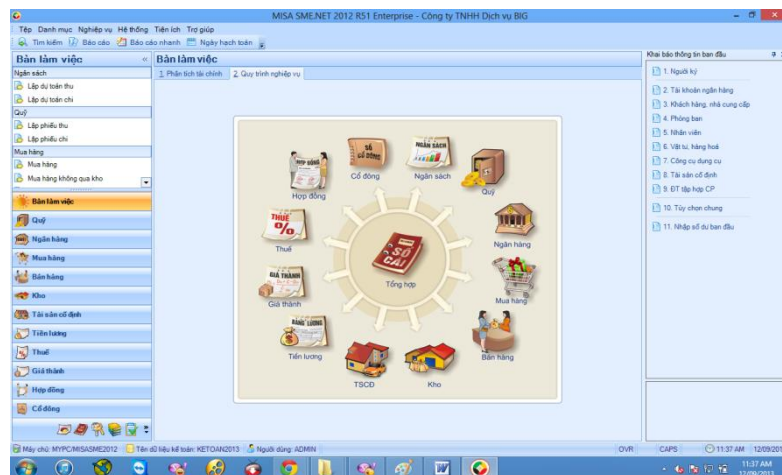


Phần mềm kế toán Fast Accounting là phần mềm kế toán sản xuất nổi bật với chi phí thấp và khả năng quản trị tốt. Fast Accounting cho phép khai báo đối tượng tính giá thành một cách mềm dẻo, chi phí phát sinh được cập nhật và tập hợp theo các cách khác nhau, có tính năng giúp kiểm tra những sai sót có thể xảy ra trong quá trình nhập liệu. Bên cạnh đó phần mềm còn có các nhóm báo cáo giá thành sản phẩm rất phong phú, phục vụ đặc biệt cho công tác phân tích và quản trị.

Giá: 5.900.000đ – 11.900.000đ (chưa bao gồm chi phí dịch vụ cài đặt, đào tạo, tư vấn).

Công ty nên chọn một phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm của Công ty. Việc áp dụng phần mềm kế toán để giảm bớt công việc của kế toán giúp cho kế toán có thể đưa ra các báo cáo nhanh chóng, chính xác nhất phục vụ cho công tác quản trị của ban Giám đốc. Giúp ban Giám đốc có thể đưa ra quyết định kinh doanh kịp thời tạo lợi thế cho doanh nghiệp trong kinh doanh.

Các phần mềm kế toán đều có chức năng lưu trữ các báo cáo với các mục đích khác nhau, theo dõi công nợ, thanh toán cho nhà cung cấp và quản lý bảng lương nhân viên,...giúp cho việc theo dõi, kiểm tra của nhà quản lý được thuận lợi và dễ dàng hơn. Để phù hợp với quy mô của Công ty thì kế toán trưởng nên lựa chọn phần mềm kế toán MISA. Một số giao diện về phần mềm:



Hình 1: Giao diện phần mềm kế toán MISA

– Thông tin về giá:

STT	Gói sản phẩm/dịch vụ	ĐVT	Giá	Mô tả chi tiết
1	Express	Gói	Miễn phí	Phần mềm Kế toán MISA SME.NET 2017 - đầy đủ 16 phân hệ: Quỹ, Thủ Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Quản lý hoá đơn, Thuế, Kho, Thủ Kho, Tài sản cố định, Công cụ dụng cụ, Tiền lương, Giá thành, Hợp đồng, Ngân sách, Tổng hợp. Số lượng chứng từ được nhập vào phần mềm tối đa là 150 chứng từ/năm.
2	Starter	Gói	2,950,000	Phần mềm Kế toán MISA SME.NET 2017 - đầy đủ 16 phân hệ: Quỹ, Thủ Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Quản lý hoá đơn, Thuế, Kho, Thủ Kho, Tài sản cố định, Công cụ dụng cụ, Tiền lương, Giá thành, Hợp đồng, Ngân sách, Tổng hợp. Số lượng chứng từ được nhập vào phần mềm tối đa là 1.000 chứng từ/năm.
3	Standard	Gói	6,950,000	Phần mềm Kế toán MISA SME.NET 2017 – 11 phân hệ: Quỹ, Thủ Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Quản lý hoá đơn, Thuế, Kho, Thủ Kho, Công cụ dụng cụ, Tổng hợp. Không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm.
4	Professional	Gói	9,950,000	Phần mềm Kế toán MISA SME.NET 2017 – 13 phân hệ: Quỹ, Thủ Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Quản lý hoá đơn, Thuế, Kho, Thủ Kho, Công cụ dụng cụ, Tài sản cố định, Tiền lương, Tổng hợp.

				Không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm.
5	Enterprise	Gói	12,950,000	Phần mềm Kế toán MISA SME.NET 2017 - đầy đủ 16 phân hệ: Quỹ, Thủ Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Quản lý hoá đơn, Thuế, Kho, Thủ Kho, Công cụ dụng cụ, Tài sản cố định, Tiền lương, Giá thành, Hợp đồng, Ngân sách, Tổng hợp. Không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm.

(Theo thông tin đơn vị cung cấp: Công ty CP Misa)

Biểu số 3.1 - Bảng báo giá phần mềm kế toán MISA SME.NET2017

- Qua quá trình tìm hiểu đặc điểm, cơ cấu, loại hình kinh doanh hiện tại của Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ KIHIN, em xin tư vấn công ty nên sử dụng phần mềm kế toán MISA.SME.NET 2017 vì phần mềm này phù hợp với doanh nghiệp nhất cả về giá cả lẫn tính năng, mang lại hiệu quả quản lý công ty một cách dễ dàng hơn.

KẾT LUẬN

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vị trí hết sức quan trọng trong công tác kế toán của doanh nghiệp. Việc xác định đúng doanh thu và chi phí tạo điều kiện thuận lợi cho nhà quản trị đưa ra những quyết định đúng đắn, chính xác và kịp thời trong việc quản lý, điều hành và phát triển công ty.

Qua thời gian thực tập tại công ty, với kiến thức đã học ở trường Đại học Dân lập Hải Phòng, được sự chỉ bảo tận tình của thầy cô giáo trong trường, đặc biệt được sự giúp đỡ nhiệt tình của **Cô giáo, Th.s Hòa Thị Thanh Hương** – Giảng viên hướng dẫn, cùng với các cán bộ kế toán, nhân viên Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kihin, em đã vận dụng lý thuyết, tìm hiểu thực tế công tác kế toán tại công ty, học tập thêm được những bài học và kinh nghiệm làm việc quý báu.

Bài viết đã đưa ra được một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kihin như:

- Kiến nghị về việc áp dụng phương pháp tính giá hàng xuất kho
- Kiến nghị về việc đưa phần mềm kế toán vào công tác kế toán
- Kiến nghị về hạch toán chi tiết doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Do thời gian thực tập có hạn và trình độ hiểu biết còn hạn chế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Vì vậy, em rất mong được sự góp ý và giúp đỡ của các thầy cô, cùng cán bộ phòng kế toán công ty để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới các thầy cô giáo khoa Quản trị kinh doanh nói chung và ngành Kế toán – Kiểm toán trường đại học Dân lập Hải Phòng nói riêng, cũng như gửi lời cảm ơn đến cô Hòa Thị Thanh Hương, và các cán bộ kế toán của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kihin đã giúp đỡ em hoàn thành đợt thực tập cũng như bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2016), Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ quyền 1 Hệ thống tài khoản kế toán, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ tài chính (2016), Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ quyền 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Công ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ KIHIN (2017), Sổ sách kế toán tại Công ty.
4. Tài liệu tham khảo khác tại thư viện.